KB Securities

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

CHARTER
KB SECURITIES VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Hà Nội, 2025
Hanoi, 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 10

PREFACE 10

CĂN CỨ PHÁP LÝ: 10

LEGAL BASE: 10

Chương I 11

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 11

Chapter I 11

GENERAL REGULATIONS 11

Điều 1. Định nghĩa, giải thích và từ viết tắt 11

Article 1. Definition and Abbreviation 11

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động 13

Article 2. Name, legal forms, head-office, operation network and operation terms of the Company 13

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật 15

Article 3. Legal representative 15

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh 17

Article 4. Scope of business 17

Điều 5. Mục tiêu hoạt động 18

Article 5. Operational objectives 18

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động 18

Article 6. Operational principles 18

Chương II 21

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 21

Chapter II 21

CHARTER CAPITAL, SHARES, SHAREHOLDERS 21

Mục I **21**

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN **21**

Section I **21**

CHARTER CAPITAL, SHARES **21**

Điều 7. Vốn điều lệ 21

Article 7. Charter capital 21

Điều 8. Cổ phần và các loại cổ phần 22

Article 8. Shares and types of shares 22

Điều 9. Cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác 23

Article 9. Share certificate and other securities certificate 23

Điều 10. Chào bán và bán cổ phần 24

Article 10. Share offering and selling 24

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần 24

Article 11. Transferring shares 24

Điều 12. Mua lại cổ phần 26

Article 12. Share repurchase 26

Điều 13. Trả cổ tức 29

Article 13. Dividend payment 29

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức 31

Article 14. Return of payments for repurchased shares or dividends 31

Điều 14a. Phát hành chứng quyền có bảo đảm 31

Article 14a. Issuance of Covered Warrants 31

Mục 2 32

CỔ ĐÔNG 32

Section 2 32

SHAREHOLDERS 32

Điều 15. Cổ đông 32

Article 15. Shareholders 32

Điều 16. Quyền của cổ đông 32

Article 16. Rights of shareholder 32

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông 36

Article 17. Obligations of shareholder 36

Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức 38

Article 18. The authorized representative of institutional shareholders 38

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông 40

Article 19. Shareholder register 40

Chương III 41
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 41
Chapter III 41
MANAGEMENT AND ADMINISTRATION OF THE COMPANY 41
Điều 20. Bộ máy quản trị điều hành của KBSV 41
Article 20. KBSV's management and operating apparatus 41
Mục I **41**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **41**
Section I **41**
THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS **41**
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông 41
Article 21. The General Meeting of Shareholders 41
Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông 41
Article 22. Duties and authorities of the General Meeting of Shareholders 41
Điều 23. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 43
Article 23. The meetings of General Meeting of shareholders 43
Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 44
Article 24. Convention of the GSM 44
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 46
Article 25. List of shareholders having the right to participate in the meeting of GMS 46
Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 47
Article 26. Meeting agenda and contens of the General Meeting of Shareholders 47
Điều 27. Mời họp Đại hội đồng cổ đông 48
Article 27. Invitation for GMS 48
Điều 28. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 49
Article 28. Right to participate in GMS meeting 49
Điều 29. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 49
Article 29. Conditions to conduct the meeting of GMS 49
Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 50
Article 30. Procedures for conducting meeting and voting at the General Meeting of Shareholders 50

Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 53

Article 31. Methods for passing the resolution of General Meeting of Shareholders 53

Điều 32. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 53

Article 32. Conditions for a resolution of General Meeting of Shareholders to be passed 53

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 55

Article 33. Authority and procedures for collecting written opinions from shareholders to pass resolutions of the GMS 55

Điều 34. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 58

Article 34. Meeting minutes, resolution of General Meeting of Shareholders 58

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 60

Article 35. Request to cancel the resolution of the GMS 60

Điều 36. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 61

Article 36. Effectiveness of resolution of the GMS 61

Mục II 61

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 61

Section II 61

BOARD OF DIRECTORS 61

Điều 37. Hội đồng quản trị 61

Article 37. The Board of Directors 61

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị 62

Article 38. Duties and authorities of the Board of Directors 62

Điều 39. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 64

Article 39. Number and term of office of BOD 64

Điều 40. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị 64

Article 40. Standards, conditions for being a member of the Board of Directors 64

Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị 65

Article 41. Chairman of the Board of Directors 65

Điều 42. Cuộc họp Hội đồng quản trị 67

Article 42. Meetings of the Board of Directors 67

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị 70

Article 43. BOD meeting minutes 70
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 72
Article 44. Right of member of the BOD to be provided with information 72
Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 72
Article 45. Dismissal, removal, replacement and addition of BOD member 72
Mục III 73
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 73
Section III 73
CHIEF EXECUTIVE OFFICER, OTHER EXECUTIVES AND SECRETARY OF THE KBSV 73
Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành 73
Article 46. Organization of management apparatus and executives 73
Điều 47. Ban Tổng Giám đốc 74
Article 47. Board of Management 74
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc 74
Article 48. Criteria and conditions to be the CEO 74
Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc 75
Article 49. Appointment and dismissal of the CEO 75
Điều 50. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 76
Article 50. Duties and authority of CEO 76
Mục IV 77
BAN KIỂM SOÁT 77
Section IV 77
BOARD OF SUPERVISORY 77
Điều 51. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát 78
Article 51. Board of Supervisory and its structure 78
Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên 78
Article 52. Criteria and conditions to be supervisor 78
Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 79
Article 53. Duties and authorities of the BOS 79
Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát 82

Article 54. Duties and authorities of Head of the Board of Supervisory 82
Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát 83
Article 55. Duties and authorities of members of the Board of Supervisory 83
Điều 56. Cuộc họp của Ban kiểm soát 84
Article 56. The meetings of the Board of Supervisory 84
Điều 57. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát 85
Article 57. Passing the decision of the Board of Supervisory 85
Điều 58. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát 86
Article 58. Responsibilities of member of the Board of Supervisory 86
Điều 59. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên 86
Article 59. Dismissal, removal of supervisor 86
Mục V 87
NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, KHÔNG CÙNG ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH 87
Section V 87
CASES OF NOT BEING PERMITTED TO HOLD A POSITION, TO HOLD POSITION IN OTHER ORGANIZATION, DEFAULT LOSS OF POSITION 87
Điều 60. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ 87
Article 60. Cases of not being permitted to hold a position 87
Điều 61. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 89
Article 61. Case of not allowed to hold the position simultaneously 89
Điều 62. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc 90
Article 62. Naturally loss of status of BOD member, BOS member, CEO 90
Mục VI 91
THU NHẬP VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN; CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN; TRÁCH NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ 91
Section VI 91
INCOME AND OTHER BENEFITS OF MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, THE SUPERVISOR; PUBLICIZE RELATED INTERESTS; RESPONSIBILITIES OF MANAGERS 91

Điều 63. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc 91
Article 63. Salaries, remuneration, bonuses and other benefit of BOD member, the CEO 91
Điều 64. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của kiểm soát viên 92
Article 64. Income, remuneration, bonuses and other benefit of supervisor 92
Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan 93
Article 65. Publicize related interests 93
Điều 66. Trách nhiệm của người quản lý 95
Article 66. Responsibilities of managers 95
Điều 67. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa KBSV với người có liên quan 97
Article 67. Approve contracts, transactions between KBSV and its related persons 97
Chương IV 99
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN 99
Chapter IV 99
REPORT AND PUBLISH INFORMATION 99
Điều 68. Báo cáo 99
Article 68. Report 99
Điều 69. Công khai thông tin 99
Article 69. Publish information 99
Chương V 100
CON DẤU 100
Chapter V 100
STAMP 100
Điều 70. Con dấu 100
Article 70. Stamp 100
Chương VI 101
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN 101
Chapter VI 101
FINANCIAL MANAGEMENT AND ACCOUNTING 101
Điều 71. Năm tài chính 101
Article 71. Fiscal year 101
Điều 72. Hệ thống kế toán 101
Article 72. Accounting system 101

Điều 73. Kiểm toán 102
Article 73. Auditing 102
Điều 74. Xử lý lỗ trong kinh doanh 103
Article 74. Handling of business losses 103
Điều 75. Trích lập các quỹ 103
Article 75. Distribution of funds 103
Chương VII 103
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ; TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ 103
Chapter VII 103
INTERNAL DISPUTE RESOLUTION; RESTRUCTURING, BANKCRUPTCY, DISMISSAL, LIQUIDATION 103
Điều 76. Tranh chấp nội bộ và giải quyết tranh chấp nội bộ 103
Article 76. Internal dispute and resolution 103
Điều 77. Tổ chức lại 104
Article 77. Restructuring 104
Điều 78. Phá sản, giải thể, thanh lý 105
Article 78. Bankruptcy, dismissal, liquidation 105
Chương VIII 107
THI HÀNH 107
Chapter VIII 107
IMPLEMENTATION 107
Điều 79. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung 107
Article 79. Effectiveness and amendments, supplements 107

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là một doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, được thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp các dịch vụ chứng khoán tại thị trường Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức, vì mục tiêu lợi nhuận và góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

Công ty cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở các quy định của Điều lệ này, quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Toàn bộ nội dung của Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam thông qua.

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 77/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 11/06/2008 và các Giấy phép điều chỉnh trong từng thời kỳ;
- Nghị quyết số ....78..../2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày ..29/9...../2025;

CHARTER
KB SECURITIES VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

PREFACE

KB Securities Vietnam Join Stock Company is an enterprise established in accordance with Vietnamese laws, is allowed to conduct securities trading activities and to provide the individual/organization clients with securities services over the Vietnamese market, in the view of profit, satisfying the demand of its clients, and contributing to economic and social development.

KB Securities Vietnam Joint Stock Company is organized and implements its activities following the provisions of this Charter, the regulations of the State Securities Commission and other relevant legislation. The entire content of this Charter was approved by the General Shareholders Meeting of KB Securities Vietnam Joint Stock Company.

LEGAL BASE:

- Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 approved by the National Asembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020 and amending and guiding documents;
- Law on Securities No. 54/2019/QH14 approved by the National Asembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26 November 2019 and amending and guiding documents;
- Circular No. 121/2020/TT-BTC issued by Ministry of Finance on December 31, 2020 guiding the establishment and operation of securities companies;
- Establishment and Operation License No. 77/UBCK-GPHĐKD issued by SSC on June 11, 2008 and its amended licenses from time to time;
- Resolution No. .....78...../2025/NQ-ĐHĐCĐ issued by General Meeting of Shareholders on Sep 29th....., 2025;

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa, giải thích và từ viết tắt

1.1. Định nghĩa

Trong Điều lệ này, trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. **"Công ty"** hoặc **"KBSV"** có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam.

b. **"Vốn điều lệ"** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được ghi nhận tại Điều 7 của Điều lệ này.

c. **"Vốn có quyền biểu quyết"** là vốn cổ phần, theo đó, người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. **"Cổ đông"** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty.

e. **"Cổ tức"** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

f. **"Thời hạn hoạt động"** là thời hạn hoạt động của KBSV được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của KBSV thông qua.

g. **"Tổ chức lại"** là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

h. **"Luật Chứng khoán"** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong từng thời kỳ.

Chapter I
GENERAL REGULATIONS

Article 1. Definition and Abbreviation

1.1. Definition

In this Charter, unless the provisions and the context in this Article of Charter are stated otherwise, the terms below shall be construed as follows:

a. **"The Company"** or **"KBSV"** means KB Securities Vietnam Joint Stock Company.

b. **"Charter capital"** means total par values of the shares sold or registered to buy when the Company established and is recorded in Article 7 of this Charter.

c. **"Voting capital"** is share capital, whereby the owner has the right to vote on issues within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders.

d. **"Shareholder"** is an individual or organization that owns at least one (01) share of KBSV.

e. **"Dividend"** is the net profit paid per share in cash or other assets.

f. **"Term of operation"** is the term of operation of KBSV as stipulated in Article 2 of this Charter and the extension period (if any) approved by the General Meeting of Shareholders of KBSV.

g. **"Reorganization"** is the division, separation, consolidation, merger or conversion of business forms.

h. **"Law on Securities"** means the Law on Securities no. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of Socialist Republic of Viet Nam on November 26, 2019, and regulations amending, supplementing or replacing so in each period;

i. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, và các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong từng thời kỳ.

i. **"Law on Enterprises"** means Law on Enterprises no. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on June 17, 2020, and regulations amending, supplementing or replacing so in each period;

j. **"Ngày thành lập"** có nghĩa là ngày được ghi nhận trên Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp lần đầu tiên.

j. **"Establishment Date"** means the date recorded on KBSV License for establishment and operation issued by the State Securities Commission of Vietnam for the first time;

k. **"Người quản lý doanh nghiệp"** bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ này.

k. **"Management Personnel"** include the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, members of the Board of Management and other persons holding managerial positions as prescribed in this Charter;

l. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Luật Chứng khoán.

l. **"Related person"** means any individual or organization related to each other in accordance with the Law on Securities;

m. **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

m. **"Vietnam"** means the Socialist Republic of Vietnam;

n. **"Pháp luật"** là hệ thống các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

n. **"Laws"/ "Legislation"/ " Regulations"** means the current system of legal regulations of Vietnam.

1.2. Từ viết tắt

Trong Điều lệ này, những từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1.2. Abbreviation

In this Charter, the abbreviations below shall be construed as follows:

a. **UBCK** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam

a. **SSC** means the State Securities Commission of Vietnam

b. **ĐHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông

b. **GMS** means the General Meeting of Shareholders

c. **HĐQT** là Hội đồng quản trị

c. **BOD** means the Board of Directors

d. **BKS** là Ban kiểm soát

d. **BOS** mean the Board of Supervisory

e. **TGĐ** là Tổng giám đốc

e. **CEO** means the Chief Executive Officer

1.3. Nguyên tắc dẫn chiếu, giải thích

Trong Điều lệ này:

1.3. Principles of reference and explanation

In this Charter:

a. Việc dẫn chiếu đến bất kỳ quy định, văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định, văn bản đó;

b. Danh từ số ít cũng được hiểu là số nhiều và ngược lại;

c. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) chỉ nhằm mục đích thuận tiện khi dẫn chiếu mà không ảnh hưởng đến nội dung của mỗi quy định;

d. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu theo định nghĩa, giải thích của pháp luật có liên quan;

e. Nếu có bất kỳ quy định nào trái với quy định pháp luật được áp dụng thì sẽ mặc nhiên vô hiệu, và quy định pháp luật có liên quan đó sẽ được mặc nhiên áp dụng.

a. Reference to any regulation or document shall include amendments, supplements or replacements of that regulation or document;

b. Singular nouns are also understood as plural and vice versa;

c. Titles (Chapter, Section, Article) are for convenience of reference only and do not affect the content of each provision;

d. Words, terms, and definitions which are not defined in this Charter shall be construed according to the definitions and explanations of relevant laws;

e. If there is any provision contrary to applicable laws, it shall be automatically invalid, and the relevant laws shall be automatically applied.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động

2.1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**
- Tên Công ty viết bằng Tiếng Anh: **KB Securities Vietnam Joint Stock Company**
- Tên Công ty viết tắt: **KBSV**

2.2. Hình thức pháp lý

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam thuộc hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, được cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 77/UBCK-GPHĐKD do UBCK cấp ngày 11 tháng 06 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký

Article 2. Name, legal forms, head-office, operation network and operation terms of the Company

2.1. Name of the Company:

- Name in Vietnamese: **KB Securities Vietnam Joint Stock Company**
- Name in English: **KB Securities Vietnam Joint Stock Company**
- Abbreviation: **KBSV**

2.2. Legal form

KB Vietnam Securities Joint Stock Company is in the form of a joint stock company, has legal status in accordance with Vietnamese law, was established and operates under the Law on Enterprises, and is granted the license on establishment and operation no. 77/UBCK-GPHDKD issued by the SSC on June 11, 2008 and licenses adjusted in each period according to the provisions of Vietnamese law.

2.3. Registered Head Office

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16 và 17, Tháp 02, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (024) 7303 5333
- Fax: (024) 3776 5928
- Website: www.kbsec.com.vn

2.4. Mạng lưới hoạt động

a. Mạng lưới hoạt động của KBSV bao gồm trụ sở chính, các chi nhánh, các phòng giao dịch, và văn phòng đại diện.

b. KBSV có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch để thực hiện các mục tiêu hoạt động của KBSV phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc KBSV và KBSV phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình.

d. KBSV chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

e. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ "chi nhánh", "phòng giao dịch", "văn phòng đại diện" và tên riêng để phân biệt.

f. KBSV hiện có ba (03) chi nhánh, bao gồm:

- Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam;
- Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam.

- The address of Head office: Level 16 and 17, Tower 02, Capital Place Building, 29 Lieu Giai, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam.
- Tel: (024) 7303 5333
- Fax: (024) 3776 5928
- Website: www.kbsec.com.vn

2.4. Operation network

a. Operation network of KBSV includes the head office, branches, transaction offices, and representative offices.

b. KBSV may establish its branches, transaction offices and representative offices to conduct its operational objectives in accordance with legal regulations and this Charter;

c. Branches, transaction offices, representative offices are units under KBSV, for which the KBSV shall bear full responsibilities;

d. KBSV only conduct its securities business, provides securities services in the locations of head-office, branches and transaction offices which have been approved by the SSC;

e. Name of branches, transaction offices, representative offices shall comprise of name of the Company, accompanied by the phrase "branch", "transaction office", "representative office", and their own name to distinguish.

f. KBSV has three (03) branches:

- Hanoi Branch - KB Securities Vietnam Joint Stock Company;
- Ho Chi Minh City Branch - KB Securities Vietnam Joint Stock Company;
- Sai Gon Branch - KB Securities Vietnam Joint Stock Company.

2.5. Thời hạn hoạt động của KBSV: Thời hạn hoạt động của KBSV là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

3.1. Người đại diện theo pháp luật của KBSV là cá nhân đại diện cho KBSV thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của KBSV, đại diện cho KBSV với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. KBSV có hai (02) đại diện theo pháp luật, bao gồm Chủ tịch HĐQT và TGĐ, trong đó:

a. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật có nhiệm vụ và quyền hạn: ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; ký các văn bản thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật của KBSV khi TGĐ vắng mặt hoặc không thể ký được mà không có ủy quyền cho người khác (hoặc có ủy quyền nhưng ủy quyền không thực hiện được), hoặc trong trường hợp cụ thể khác theo quyết định của HĐQT.

b. TGĐ là người đại diện theo pháp luật thường trực của KBSV; chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với UBCK; ký các văn bản thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật của KBSV ngoài văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT; thực hiện công bố thông tin về hoạt động kinh doanh của KBSV theo quy định của pháp luật.

3.3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi

2.5. Term of operation: the term of operation of KBSV shall be indefinite from the establishment date, unless early termination.

Article 3. Legal representative

3.1. KBSV's legal representative is an individual who represents KBSV to exercise the rights and obligations arising from KBSV's transactions, representing KBSV as a requester to resolve civil matters, plaintiff, defendant, person with related interests or obligations at the Arbitrator, Court and other rights and obligations according to the provisions of laws.

3.2. KBSV has two (02) legal representatives including the Chairman of the BOD, and the CEO, of which:

a. The Chairman of the BOD is the legal representative with the following duties and powers: to sign documents within the authority of the BOD; to sign documents within the authority of the legal representative of KBSV when the CEO is absent or cannot sign without authorizing another person (or has authorized but the authorization cannot be performed), or in other specific cases according to the decision of the BOD.

b. The CEO is the permanent legal representative of KBSV; to be responsible for providing documents and working with the SSC; to sign documents under the authority of the legal representative of KBSV provided that those documents are not under the authority of the Chairman of the BOD; to disclose information about KBSV's business activities in accordance with the laws.

3.3. The Company has to ensure that at least one (01) of its legal representatives resides in Vietnam. In case there is only one legal representative left in Vietnam, such person

xuất cảnh khỏi Việt Nam phải uỷ quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

must authorize in writing other persons residing in Vietnam to exercise the rights and duties of the legal representative of the Company when departing from Vietnam. In this case, the legal representative is still responsible for exercising the rights and obligations authorized.

3.4. Trường hợp hết hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3.3 của Điều này mà người đại diện theo pháp luật của KBSV vẫn chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của KBSV trong phạm vi được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại KBSV hoặc cho đến khi HĐQT của KBSV quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của KBSV.

3.4. In case the authorizing person has not yet returned to Vietnam when the letter of authorization at clause 3.3 of this Article expires and there is no further authorization, the authorized person shall continue acting rights and duties of the KBSV's legal representative until the legal representative of the Company returns to work at KBSV, or until the BOD of KBSV designates another person as legal representative.

3.5. Trường hợp KBSV chỉ còn một (01) người đại diện theo pháp luật tại Việt Nam và người này vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của KBSV, hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì HĐQT cử người khác làm đại diện theo pháp luật của KBSV.

3.5. In case KBSV only has one (01) legal representative left in Vietnam and this person is absent from Vietnam for more than thirty (30) days without authorizing another person to exercise the rights and obligations of the KBSV's legal representative, or being dead, missing, being prosecuted for criminal liability, being detained, is serving a prison sentence, accepting administrative sanctions at a mandatory detoxification facility, compulsory educational institutions, have limited or lost capacity for civil acts, have difficulty in cognition and behavior control, is banned by the Court from holding certain positions, practicing certain professions or doing certain jobs, then the BOD shall have to appoint another person to be the legal representative of KBSV.

3.6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

3.6. The legal representative of the KBSV has the following responsibilities:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của KBSV;

b. Trung thành với lợi ích của KBSV; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của KBSV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho KBSV về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho KBSV do vi phạm trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật quy định tại khoản 3.6 của Điều này.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:

a. Môi giới chứng khoán;

b. Tự doanh chứng khoán;

c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 4.1 của Điều này, KBSV được cung cấp các dịch vụ khác theo quy định tại Điều 86 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.3. KBSV có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nếu được pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cho phép, và được cấp có thẩm quyền của KBSV thông qua theo quy định của Điều lệ này.

4.4. KBSV có phạm vi hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

a. To perform the assigned rights and obligations in an honest, careful and best manner to ensure the KBSV's legitimate interests;

b. To be loyal to the interests of KBSV; not to abuse his/her position and not to use the KBSV's information, know-how, business opportunities, assets for the benefit of himself/herself or for the benefits of the other organizations or individual;

c. To inform KBSV promptly, fully and accurately about the enterprise that he/she or his/her related person owns or has shares or capital contribution in accordance with the provisions of the Law on Enterprises;

d. To be personally liable for damages to KBSV due to violation of the legal representative's responsibilities prescribed in Clause 3.6 of this Article.

Article 4. Scope of business

4.1. KBSV's scope of business includes:

a. Securities Brokerage;

b. Proprietary trading;

c. Underwriting;

d. Securities Investment Advisory.

4.2. In addition to the securities trading operations specified in Clause 4.1 of this Article, KBSV is allowed to provide other services as prescribed in Article 86 of the Law on Securities and other relevant provisions.

4.3. KBSV may conduct its business activities in other fields and industries if permitted by laws and competent authorities, as well as approved by KBSV's competent authorities in accordance with the provisions of this Charter.

4.4. KBSV implements its business activities within Vietnamese territory.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

5.1. Các mục tiêu hoạt động của KBSV bao gồm:

a. Mang lại lợi nhuận cao cho các cổ đông trong điều kiện tuân thủ các quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước và phát triển KBSV ngày càng lớn mạnh;

b. Trở thành cầu nối tin cậy giữa các nhà cung cấp vốn trong và ngoài nước với các nhà phát hành chứng khoán tại thị trường Việt Nam;

c. Hoạt động lâu dài, hiệu quả và phát triển thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam;

d. Chuyên nghiệp hoá các hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô, tạo dựng uy tín, nâng cao chất lượng dịch vụ của KBSV đối với công chúng đầu tư và các doanh nghiệp trong nước từ đó phát triển ra thị trường quốc tế.

5.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì KBSV chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận theo đúng quy định.

Article 5. Operational objectives

5.1. KBSV's operational objectives include:

a. Bringing high profits to shareholders provided that complying with the provisions of laws, creating stable employment and income for employees, fulfilling its obligations to the state budget and developing KBSV stronger and stronger;

b. Becoming a solid bridge between domestic and foreign capital providers with securities issuers in the Vietnamese market;

c. Operating in respect with long-term, sustainable development visions toward to be the leading securities company in Vietnam;

d. Professionalizing the business activities, expanding the scale, creating prestige, improving the quality of KBSV services for investment community and domestic enterprises from which to develop into the international market.

5.2. If any of the above objectives are subjected to be approved by the competent state authority, KBSV shall only fulfill that objective after approval.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

6.1. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành

a. Tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCK, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này về quản trị, điều hành doanh nghiệp, công ty chứng khoán.

b. Phân định rõ trách nhiệm giữa ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, TGĐ phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Article 6. Operational principles

6.1. Principles of corporate governance and management

a. Comply with the provisions of the Law on Securities, the Law on Enterprises, regulations of the Government, the Ministry of Finance, the SSC, and regulations of other relevant laws and this Charter regarding governance of enterprises, securities company.

b. Define clearly the different responsibilities of the GMS, the BOD, the BOS, the CEO in accordance with the Law on Securities, the Law on Enterprises and other relevant laws.

c. Phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

d. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ KBSV và trong giao dịch với người có liên quan.

e. Phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.2. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ

a. Phải ban hành quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.

b. Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.

c. KBSV và nhân viên KBSV không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng, trừ trường hợp nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.

d. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.

e. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của KBSV.

f. Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

g. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, KBSV không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:

c. Have to set up a system of communication with its shareholders to provide them with adequate information and to treat fairly between the shareholders, ensure their legitimate rights and interests.

d. Establish systems for internal control, risk management and monitor, prevent the conflicts of interest within KBSV and in transactions with related persons.

e. Have to ensure that employees working in their professional units must hold suitable securities practicing certificates in accordance with provisions of securities and stock market.

6.2. Principles of rendering services

a. Have to issue the processes and procedures for business operations.

b. Have to issue the codes of ethics practicing.

c. KBSV and its employees are not allowed to make investments on behalf of their customers, except in case of the authorized custody of individual investors' personal securities trading accounts as prescribed by legal regulations.

d. Be honest with customers, avoiding any infringement upon their customer's assets, other legitimate rights and interests.

e. Manage each customer's assets, assets of customers and KBSV's separately.

f. Sign contract with customers providing services to them; providing complete and accurate information to customers.

g. Unless otherwise provided by laws, when providing services to customers, KBSV is not allowed to perform, whether directly or indirectly, the following activities:

(i)	Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;	(i)	Deciding to invest in securities on behalf of customers;
(ii)	Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;	(ii)	Agreeing with customers on sharing of profits or losses;
(iii)	Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;	(iii)	Advertising or declaring that contents, effectiveness or methods of KBSV analyses on securities are of greater value than those of other securities companies;
(iv)	Cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua, bán một loại chứng khoán nào đó;	(iv)	Providing false information to seduce or pester customers to buy or sell certain securities;
(v)	Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;	(v)	Providing false, fraudulent or misleading information to customers;
(vi)	Bất kỳ hành vi khác trái pháp luật.	(vi)	Performing other activities in contravention of laws.
h.	Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.	h.	Carry out accounting, auditing, statistics regimes and financial obligations in accordance with laws.
i.	Thực hiện công bố thông tin và báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật.	i.	Make public disclosure of information and reports in a timely, adequate and accurate manner in accordance with laws.
j.	Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.	j.	Set up stand-by information technology systems and databases to ensure safety, prudence and continuity for business activities.
k.	Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.	k.	Supervise securities transactions according to reguiations of the laws.
l.	Phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.	l.	Have to set up specialized departments in charge of communicating with customers and dealing with customer's inquiries and complaints.
m.	Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.	m.	Discharge other obligations prescribed by the securities laws and other relevant laws.

Chương II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Chapter II
CHARTER CAPITAL, SHARES, SHAREHOLDERS

Mục I
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Section I
CHARTER CAPITAL, SHARES

Điều 7. Vốn điều lệ

7.1. Vốn điều lệ của KBSV là 3.031.993.490.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba nghìn không trăm ba mươi mốt tỷ chín trăm chín mươi ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

7.2. Vốn điều lệ này có thể được điều chỉnh trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7.3. Cách thức tăng vốn điều lệ

KBSV có thể tăng vốn điều lệ theo các cách thức sau:

a. Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;

b. Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;

c. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phần;

d. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu; phát hành cổ phiếu thưởng;

e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ;

f. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

7.4. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể giảm vốn điều lệ. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do ĐHĐCĐ quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định và các điều kiện khác theo quy định hiện hành.

Article 7. Charter capital

7.1. The charter capital of KBSV is VND 3,031,993,490,000 (Three thousand and thirty-one billion, nine hundred and ninety – three million, four hundred and ninety thousand dong).

7.2. The charter capital may be adjusted upon decision of the GSM or BOD and in accordance with provisions of laws and this Charter.

7.3. Forms of increase of the charter capital

The KBSV charter capital may be increased following the forms below:

a. Issuing new shares to raise more capital in accordance with laws;

b. Carrying over retained earnings and other valid capital sources in accordance with laws;

c. Converting issued convertible bonds into shares;

d. Pay dividends by issuing shares; bonus shares issuing;

e. Converting debts into equity capital under the agreement between KBSV and creditors;

f. Other forms as provided by laws.

7.4. In necessary case, KBSV may reduce its charter capital. The reduction of the charter capital shall be decided by the GSM provided that conditions for legal capital and other conditions are ensured after capital reduction in accordance with current regulations.

Điều 8. Cổ phần và các loại cổ phần

8.1. Tổng số vốn điều lệ của KBSV được chia thành 303.199.349 cổ phần. Một cổ phần của KBSV có mệnh giá là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng).

8.2. Toàn bộ cổ phần của KBSV là cổ phần phổ thông; tất cả cổ đông của KBSV là cổ đông phổ thông.

8.3. KBSV có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

8.4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

8.5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

8.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông trong KBSV, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. KBSV sẽ thực hiện thông báo đến cổ đông hiện hữu về việc chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật, trong thông báo sẽ nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 15 ngày) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần không được đăng ký mua hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận khác.

Article 8. Shares and types of shares

8.1. The total charter capital of KBSV is divided into 303,199,349 shares. One share of KBSV has a par value of VND 10,000 (Ten thousand dong).

8.2. All shares of KBSV are common shares; all shareholders of KBSV are common shareholders.

8.3. KBSV can issue preferred shares after obtaining approval from the GMS and in accordance with the provisions of laws.

8.4. Each share of the same class gives its owner equal rights, obligations and benefits.

8.5. Common shares cannot be converted into preferred shares. Preferred shares can be converted into common shares according to the GMS resolution.

8.6. Common shares must be prioritized for sale to existing shareholders in proportion to the share ownership ratio of each shareholder in KBSV, unless the GMS decides otherwise. KBSV shall notify existing shareholders about the share offering in accordance with the laws. The notice will clearly state the number of shares offered and the appropriate purchase registration period (minimum 15 days) in order that shareholders can register to buy. The number of shares not fully registered for purchase shall be decided by the BOD. The BOD can distribute those shares to others according to the conditions and methods that the BOD deems appropriate, but cannot sell those shares with the more favorable conditions than those offered to the existing shareholders, unless otherwise approved by the GMS.

8.7. KBSV có thể mua cổ phần do chính KBSV đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8.7. KBSV can buy its shares issued by itself in the ways specified in this Charter and current laws.

Điều 9. Cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

9.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do KBSV phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của KBSV. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

9.2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do KBSV phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của KBSV chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

9.3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị KBSV cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho KBSV.

9.4. Trường hợp chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần hoặc thanh toán tiền mua cổ phiếu mới phát hành thì người sở hữu cổ phần không phải trả KBSV chi phí in cổ phiếu hay bất kỳ chi phí gì khi mua cổ phiếu mới phát hành.

9.5. KBSV có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. HĐQT có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

9.6. KBSV có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Article 9. Share certificate and other securities certificate

9.1. Share certificates are certificates issued by the KBSV, book entries or electronic data, which certify ownership of one or an amount of KBSV shares. Share certificates must contain the fundamental contents in accordance with the Law on Enterprises.

9.2. If there is any mistake in the contents and format of the share certificates issued by the KBSV, the rights and interests of their holders might not be affected. The KBSV's legal representative shall take responsibility for the damage caused by such mistake.

9.3. In case a share certificate is lost, damaged, or otherwise destroyed, the shareholder shall be reissued with another share certificate at the shareholder's request and cost.

9.4. In case of ownership transfer or making full payment for purchase of new share issuance, the owner of those shares might not have to pay the KBSV any expenses for printing share certificates or whatever fees.

9.5. KBSV may issue non-bearer shares, which are not in the form of certificates. BOD may issue regulations on share certificate and transfer under the provisions of the Law on Enterprises, law on securities and securities market and this Charter.

9.6. KBSV may issue other types of securities as approved by the GMS and in accordance with laws on securities and stock markets.

9.7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của KBSV được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của KBSV.

9.7. Bond certificates or other securities certificates of the KBSV shall be issued with signature of the legal representative and the KBSV seal.

Điều 10. Chào bán và bán cổ phần

10.1. Chào bán cổ phần

a. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

b. Chào bán cổ phần có thể được thực hiện thông qua các hình thức: chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; chào bán cổ phần riêng lẻ; chào bán cổ phần ra công chúng.

c. Công ty phải thực hiện việc đăng ký tăng vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

10.2. Bán cổ phần

HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá trị thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Article 10. Share offering and selling

10.1. Share offering

a. Share offering is a KBSV's activity to increase the number of shares, classes of shares that allowed to be offered in order to increase the charter capital.

b. Share offering might be implemented through the following forms: offering to the existing shareholders; offering privately; offering publicly.

c. KBSV shall have to complete the procedure of charter capital increasing within ten (10) days from the completion date of shares sale.

10.2. Selling shares

The BOD decides the time, method and price of selling shares. The shares selling price must not be lower than the market value at the time of sale or the value recorded in the books of the shares at the most recent time, except for the cases specified in the Law on Enterprises.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

11.1. Cổ phần của KBSV được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ khi thông qua phương án phát hành. Trường hợp Điều lệ này hoặc ĐHĐCĐ quyết định hạn chế chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

11.2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng

Article 11. Transferring shares

11.1. Shares may be transferred freely except the cases specified in Law on Enterprises, this Charter or decision of the GSM while approving the issuing plan. The restrictions on transfer of shares specified in this Charter or GSM decision are only applicable if they are written in the certificates of the shares subject to restriction.

11.2. The transfer shall be made into a contract or carried out on the stock market. In case of

khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

transfer under a contract, the documents shall bear the signatures of the transferor and the transferee or their authorized representatives. In case shares are transferred on the stock market, the transfer procedures prescribed by securities laws shall apply.

11.3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc người thừa kế bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

11.3. In case of the death of a shareholder that is an individual, his/her heir at law or designated by a will shall become a KBSV shareholder. In case an individual shareholder dies without an heir or the heir refuses the inheritance or is disinherited, his/her shares shall be settled in accordance with civil laws.

11.4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại KBSV cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của KBSV.

11.4. A shareholder may donate all or part of their shares to other organizations and individuals; use the shares to pay his/her debts. The organization or individual that receives the donation or debt payment shall become KBSV a shareholder.

11.5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của KBSV từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của KBSV.

11.5. The organizations and individuals that receive shares in the cases specified in this Article shall only become KBSV's shareholders when their information specified in Clause 2 Article 122 of the Law on Enterprises is fully recorded in the shareholder register.

11.6. KBSV phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

11.6. KBSV has to register the changes of shareholders in the shareholder register as requested by relevant shareholders within twenty-four (24) hours after the request is received as prescribed in this Charter.

11.7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận

11.7. Shares that have not been fully paid are not transferable and are not entitled to benefits related to these shares, including the right to receive dividends and the right to receive

cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

shares issued to increase share capital from equity sources, the right to buy newly offered shares and other rights according to the provisions of laws.

Điều 12. Mua lại cổ phần

12.1. KBSV có thể mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của KBSV phù hợp với quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán, và các quy định khác có liên quan.

a. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

(i) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại KBSV hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu KBSV mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến KBSV trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Điều này.

(ii) KBSV phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này, nếu có, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. KBSV giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b. Mua lại cổ phần theo quyết định của KBSV

Article 12. Share repurchase

12.1. KBSV may repurchase its shares at the request of shareholder or following to its decision in accordance with legal provisions of enterprises, securities, and other relevant regulations.

a. Repurchase shares at the request of shareholder

(i) Shareholders who voted not to approve the resolution on reorganizing KBSV or the resolution on changing the rights and obligations of shareholders specified in this Charter have the right to request KBSV to buy back their shares. The request must be in writing, clearly stating the name and address of the shareholder, number of shares of each class, intended selling price, and reason for requesting KBSV to buy back. The request must be sent to KBSV within ten (10) days from the date the GMS approved the resolution on the issues specified in this Article.

(ii) KBSV must repurchase shares at the request of shareholders at the market price or price calculated according to the principles specified in this Charter, if any, within ninety (90) days from the date of receipt of the request. In case a price cannot be agreed upon, the parties can request a valuation organization to determine the price. KBSV introduces at least three (03) valuation organizations for shareholders to choose from and that choice is the final decision.

b. Repurchase shares following KBSV's decision

KBSV có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán, theo quy định sau đây:

(i) HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

(ii) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại tiết (iii) điểm b khoản 1 của Điều 12 này; đối với cổ phần loại khác, nếu KBSV và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

(iii) KBSV có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ tại KBSV theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của KBSV phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của KBSV, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho KBSV;

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được KBSV trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày

KBSV has the right to repurchase no more than 30% of the total number of common shares sold, part or all of the dividend preference shares sold, according to the following regulations:

(i) The BOD has the right to decide to repurchase no more than 10% of the total number of shares of each class sold within twelve (12) months; in other cases, the repurchase of shares is decided by the GMS;

(ii) The BOD decides the share repurchase price. For common shares, the repurchase price must not be higher than the market price at the time of repurchase, except for the case specified in item (iii) point b, clause 1 of this Article 12; for other classes of shares, if KBSV and the relevant shareholders have no other agreement, the repurchase price must not be lower than the market price;

(iii) KBSV can repurchase shares from each shareholder corresponding to their share ownership ratio in KBSV according to the following order and procedures:

- KBSV's decision to repurchase shares must be notified by a competent method to ensure it shall reach all shareholders within thirty (30) days from the date that KBSV's decision is approved. The notice must include the name and head office address of KBSV, total number of shares and classes of shares to be repurchased, repurchase price or repurchase pricing principles, payment procedures and deadlines, procedures and deadlines for shareholders to sell their shares to KBSV;

- Shareholders who agree to resell their shares to KBSV must send a agreement letter to sell their shares by a competent method in order to guarantee that their agreement may reach

thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. KBSV chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

KBSV within thirty (30) days from the notice date. The agreement letter to sell shares must include the full name, contact address, and legal document number for individual shareholders; name, business code or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders; quantities of shares owned and quantities of shares agreed to sell; payment methods; signature of the shareholder or the shareholder's legal representative. KBSV only repurchase shares within the above period.

12.2. KBSV chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại theo khoản 12.1 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại này, KBSV vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

12.2. KBSV is only allowed to pay for the shares repurchased according to Clause 12.1 of this Article if KBSV ensures to fully pay all debts and other property obligations after paying for all the shares repurchased.

12.3. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 12.1 của Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. KBSV phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được KBSV mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

12.3. Shares repurchased according to the provisions of clause 12.1 of this Article are considered as unsold shares according to the provisions of clause 4 Article 112 of the Law on Enterprises. KBSV must register to reduce its charter capital corresponding to the total par value of the shares repurchased by KBSV within ten (10) days from the completion date of payment to repurchase shares, except in cases that there are other regulations in securities regulations.

12.4. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGĐ phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

12.4. Shares confirming ownership of redeemed shares must be destroyed immediately after the corresponding shares have been paid in full. The Chairman of the BOD and the CEO must be jointly responsible for KBSV's damages caused by not destroying or delaying the destruction of shares.

12.5. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của KBSV giảm hơn 10% thì KBSV phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời

12.5. After paying for all the repurchased shares, if the total value of assets recorded in KBSV's accounting books decreases by more than 10%, KBSV must notify all of its creditors within

hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 13. Trả cổ tức

13.1. Cơ sở xác định và thanh toán cổ tức

a. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi, nếu có, sẽ được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

b. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của KBSV.

13.2. Điều kiện chi trả cổ tức

KBSV chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. KBSV đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b. KBSV đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, KBSV vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

13.3. Thẩm quyền các cơ quan

a. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của KBSV.

b. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của KBSV, hoặc bằng tài sản khác và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

13.4. Phương thức chi trả cổ tức

a. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của KBSV hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này, nếu có.

fifteen (15) days from the completion date of payment for the repurchased shares.

Article 13. Dividend payment

13.1. Basis for determining and paying dividend

a. Dividends for preferred shares, if any, shall be made according to the conditions specifically applicable to each type of preferred shares.

b. Dividends for common shares shall be determined based on net profits earned and dividend payments are deducted from KBSV's retained profits.

13.2. Dividend payment conditions

KBSV is only allowed to pay dividends on common shares when all of the following conditions are satisfied:

a. KBSV has fulfilled its tax obligations and other financial obligations according to the provisions of laws;

b. KBSV has appropriated company funds and compensated for previous losses in accordance with the provisions of laws and this Charter;

c. Immediately after paying all dividends, KBSV still ensures to pay all due debts and other property obligations.

13.3. Competent authorities

a. The GMS decides on the dividend payment level and form of annual dividend payment from KBSV's retained profits.

b. The BOD can suggest the GMS to approve the payment of all or part of dividends in cash, in shares of KBSV, or in other assets, and the BOD shall be the agency to implement this decision.

13.4. Dividend payment method

a. Dividends may be paid in cash, KBSV's shares or other assets specified in this Charter, if any.

b. Nếu cổ tức được chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

b. If dividend payment is made in cash, it must be made in Vietnam Dong and according to payment methods prescribed by laws.

c. Nếu cổ tức được chi trả cổ tức bằng cổ phần, KBSV không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. KBSV phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

c. If dividend payment is made by KBSV shares, KBSV does not have to carry out procedures for offering shares as prescribed in Articles 123, 124 and 125 of the Law of Enterprises. KBSV must register to increase charter capital corresponding to the total par value of shares used to pay dividends within ten (10) days from the completion date of dividend payment.

13.5. Quy trình thanh toán cổ tức

13.5. Dividend payment process

a. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.

a. Dividends must be fully paid within six (06) months from the completion date of the annual GMS.

b. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

b. At least thirty (30) days before each dividend payment, the BOD prepares the list of shareholders eligible to receive dividends, determines the level of dividends to be paid for each share, the time limit and form of payment.

c. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

c. Notice of dividend payment is sent by a competent method to guarantee to deliver to shareholders at the address registered in the shareholder register no later than fifteen (15) days before the dividend payment. The notice must include the following contents:

(i) Tên và địa chỉ trụ sở chính của KBSV;

(i) Name and head office address of KBSV;

(ii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

(ii) Full name, contact address, nationality, legal document number of individual for individual shareholders;

(iii) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

(iii) Name, business code or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders;

(iv) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

(iv) Number of shares of each class of shareholder; dividend level for each share and total dividend that shareholder shall receive;

(v) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

(v) Time and method of dividend payment;

(vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của KBSV.

13.6. KBSV không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

13.7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ KBSV.

13.8. Các vấn đề khác liên quan đến việc chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

(vi) Full name, signature of the Chairman of the BOD and the KBSV's legal representative.

13.6. KBSV does not pay interest on dividends or other payments relating to a type of share.

13.7. If a shareholder transfers his/her shares during the time between the completion of the shareholders list and the time of dividend payment, the transferor shall be the recipient of dividends from KBSV.

13.8. Other issues relating to dividend payment and profit distribution are carried out in accordance with the laws.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại Điều 12 của Điều lệ này hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 13 của Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho KBSV số tiền, tài sản khác đã nhận. Nếu cổ đông không hoàn trả được cho KBSV thì tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của KBSV trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Article 14. Return of payments for repurchased shares or dividends

If the payment of share repurchased is contrary to the Article 12 of this Charter, or the dividend payment is contrary to the Article 13 of this Charter, the shareholder shall have to return the money or assets received. If the shareholder cannot repay KBSV, all members of the BOD have to be jointly liable for the KBSV's debts and liabilities within the value of money or assets paid to the shareholder but has not been repaid.

Điều 14a. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

14a.1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ thực hiện chào bán chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.

14a.2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng

Article 14a. Issuance of Covered Warrants

14a.1. Based on legal regulations and the approval of the State Securities Commission, the Company will issue covered warrants and carry out all related operations concerning covered warrants.

14a.2. A covered warrant is a security backed by collateral, issued by the Company, that entitles the holder to either buy (call warrant) or sell (put warrant) the underlying security to

quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

14a.3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (Không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp...

the Company at a predetermined price, on or before a specified date, or to receive the difference in cash between the exercise price and the market price of the underlying security at the time of exercise.

14a.3. The covered warrant holder is considered a partially secured creditor of the Company (excluding any outstanding but uncirculated warrants). In addition, the warrant holder has rights and obligations in accordance with the law and the prospectus issued during the warrant offering, including but not limited to the rights to receive cash settlement or delivery of the underlying securities, to transfer, donate, bequeath, pledge, or mortgage the warrants...

Mục 2
CỔ ĐÔNG

Điều 15. Cổ đông

15.1. Cổ đông là người sở hữu cổ phần của KBSV, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần KBSV mà họ sở hữu.

15.2. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi thông tin về cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của KBSV.

Điều 16. Quyền của cổ đông

16.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật hoặc Điều lệ này

Section 2
SHAREHOLDERS

Article 15. Shareholders

15.1. Shareholders are owners of KBSV shares, have rights and obligations corresponding to the number of KBSV shares they own.

15.2. Shareholders are only recognized officially when their information specified at point d clause 2 Article 122 of the Law on Enterprises is recorded in KBSV's shareholder register.

Article 16. Rights of shareholder

16.1. Common shareholders have the following rights:

a. Participate in and make comments at the GMS and exercise the right to vote directly or through authorized representatives or another

quy định, nếu có; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong KBSV;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ KBSV, Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ;

g. Khi KBSV giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại KBSV sau khi KBSV đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu KBSV mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp KBSV có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do KBSV công bố theo quy định của pháp luật;

method prescribed by law or this charter, if any; each common share equals one vote;

b. Receive dividends at the rate decided by the GMS;

c. Be given priority for purchasing new shares corresponds to the proportion of common shares of each shareholder in KBSV;

d. Freely transfer his/her shares to other persons, except for the cases specified in clause 3 Article 120, clause 1 Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant provisions of laws;

e. Access names and addresses on the list of voting shareholders; request rectification of incorrect information about themselves;

f. Access, extract, make copies of the KBSV charter, minutes and resolutions of the GMS;

g. Receive part of the remaining assets in proportion to their holdings in KBSV when KBSV is dissolved or goes bankrupt, after KBSV has paid to creditors and shareholders of other classes according to the provisions of laws;

h. Request KBSV to buy back its shares in cases prescribed at Article 132 of the Law on Enterprises;

i. Be treated equally. Each share of the same type gives the owning shareholders equal rights, obligations and benefits. In case KBSV has preferred shares, the rights and obligations associated with the preferred shares must be approved by the GMS and fully disclosed to shareholders;

j. Have full access to periodic and unusual information published by KBSV in accordance with the laws;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.

16.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của KBSV;

b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của KBSV khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của KBSV; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến KBSV chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi

k. Have his/her legitimate rights and interests protected; request to suspend or cancel resolutions and decisions of the GMS and the BOD according to the provisions of the Law on Enterprises;

l. Other rights in accordance with the law and this Charter.

16.2. Shareholder or group of shareholders owing at least 5% of totai common shares shall have the following rights:

a. Review, look up, and extract book of meeting minutes and resolution, decision of the BOD, semi-annual and annual financial reports, reports of the BOS, contracts, agreements must be approved by the BOD, and other documents, except documents relating to trade and business secrets of KBSV;

b. Demand BOD to convene a meeting of GMS in accordance with clause 3 Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;

c. Request the BOS to investigate into specific matters relevant to the KBSV's administration and management where necessary. The request shall be made in writing and contain: the full names, contact address, nationality, legal document numbers of individual shareholder; names, business code or legal document numbers, headquarter address of institutional shareholder; quantities of shares and time of shares registration of each shareholder, total quantity of shares of the group and their holdings rate in KBSV; the matter that needs investigating and the purposes of investigation;

d. Recommend the issue to be included in the agenda of the GMS. Recommendation must be in writing and sent to KBSV no later than three (03) working days before the commencing date.

rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

The recommendation must clearly state the name of the shareholder, the number of each class of shareholder's shares, and the issue recommended to be included in the meeting agenda;

e. Đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT, BKS theo quy định như sau:

e. Nominate people to the BOD and BOS, according to the following regulations:

(i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

(i) Common shareholders who form a group to nominate people to the BOD and BOS must notify the attending shareholders of the group meeting before the commencement of the GMS.

(ii) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên, và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

(ii) Shareholder, and group of shareholders owning from 5% to less than 20% of the total voting shares for a continuous period of at least six (06) months may nominate one (01) member; from 20% to less than 30% can nominate two (02) members; from 30% to less than 50% can nominate three (03) members; from 50% to less than 65% can nominate four (04) members, and at least 65% can nominate with a full number of candidates.

(iii) Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc BKS đề cử.

(iii) In case the number of candidates nominated by shareholder or shareholder group in this clause is lower than the number of candidates they are entitled to nominate, the remaining candidates shall be nominated by the BOD or BOS.

(iv) Cơ chế đề cử hoặc cách thức HĐQT đương nhiệm, BKS đương nhiệm, cổ đông khác đề cử người vào HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

(iv) The nomination mechanism or method for the current BOD, BOS, and other shareholders to nominate people to the BOD must be clearly announced and must be approved by the GMS before nomination made.

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

f. Other rights as prescribed by laws and this Charter.

16.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh KBSV khởi kiện trách

16.3. Shareholder or group of shareholders owning at least 1% of total number of common shares shall have the right to personally or on behalf of

nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, TGĐ để yêu cầu hoàn trả lại lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho KBSV hoặc người khác trong các trường hợp quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh KBSV được tính vào chi phí của KBSV, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

KBSV sue for personal liability or joint liability against members of the BOD, CEO to request reimbursement or compensate for damages to KBSV or other persons in the cases specified in Article 166 of the Law on Enterprises. The order and procedures for initiating a lawsuit shall comply with the provisions of law on civil procedures. Lawsuit costs in cases where a shareholder or group of shareholders sues on behalf of KBSV are included in KBSV's costs, unless the lawsuit request is rejected. Shareholders and groups of shareholders as prescribed in this clause have the right to review, look up, and extract necessary information according to decisions of the Court or Arbitrator before or during the lawsuit process.

16.4. Cổ đông ưu đãi, tương ứng với các loại cổ phần ưu đãi, nếu có, có các quyền theo quyết định của ĐHĐCĐ.

16.4. Preferred shareholders, corresponding to each class of preferred shares, if any, shall have their rights in accordance with decision of GMS.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của KBSV có những nghĩa vụ sau:

Article 17. Obligations of shareholder

KBSV's shareholders shall have the following obligations:

17.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của KBSV trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào KBSV.

17.1. Pay in full and on time for the number of shares committed to purchase, and be responsible for debts and other property obligations of KBSV within the amount of capital committed to contribute to KBSV.

17.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi KBSV dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được KBSV hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều lệ này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong KBSV phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của KBSV trong

17.2. Be not allowed to withdraw capital contributed by common shares from KBSV in any form, except repurchased by KBSV or others. In case a shareholder withdraws part or all of the contributed share capital contrary to the provisions of this Charter, that shareholder and the person with related interests in KBSV must be jointly responsible for the debts and other property obligations of KBSV within the scope

phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

17.3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của KBSV.

17.4. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

17.5. Bảo mật các thông tin được KBSV cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được KBSV cung cấp cho cá nhân, tổ chức khác.

17.6. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này, nếu có.

17.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh KBSV dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân, tổ chức khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với KBSV.

17.8. Tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật.

17.9. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của KBSV không được lợi dụng ưu thế của mình

of the value of shares withdrawn and damages incurred.

17.3. Comply with KBSV's Charter and internal management regulations.

17.4. Comply with resolutions and decisions of the GMS and the BOD.

17.5. Keep confidential of information provided by KBSV according to the provisions of this Charter and the laws; only use the information provided to exercise and protect his/her legitimate rights and interests; it is strictly forbidden to distribute, copy or send information provided by KBSV to other individuals and organizations.

17.6. Participate in the GMS and exercise the voting right through the following forms:

a. Participate in and vote directly at the meeting;

b. Authorize other individuals or organizations to participate in and vote at the meeting;

c. Participate in and vote via online conference, electronic voting or other electronic form;

d. Send voting ballot to the meeting via mail, fax, e-mail;

e. Send voting ballot to the meeting by other means as prescribed in this Charter, if any.

17.7. Take personal responsibility when performing one of the following acts in any form on behalf of KBSV:

a. Violate the laws;

b. Conduct business and other transactions for personal gain or to serve the interests of other individuals or organizations;

c. Pay undue debts against financial risks for KBSV.

17.8. Comply with regulations on share ownership ratio as prescribed by law.

17.9. Shareholder owning 10% or more of KBSV's charter capital is not allowed to take advantage

gây tổn hại đến quyền và lợi ích của KBSV và các cổ đông khác.

17.10. Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của KBSV phải thông báo đầy đủ bằng văn bản cho KBSV trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông tin đối với các trường hợp: (a) số cổ phần KBSV mà cổ đông sở hữu bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án; và/hoặc (b) cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.

KBSV phải báo cáo UBCK về các trường hợp quy định tại khoản 17.10 của Điều 17 này trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

17.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

to damage the rights and interests of KBSV and other shareholders.

17.10. Shareholder owning 10% or more of KBSV's charter capital must fully notify KBSV in writing within twenty-four (24) hours of receiving information in the following cases: (a) KBSV shares that he/she owns is frozen, mortgaged or handled according to a court decision; and/or (b) the shareholder is an organization that decides to change its name or divide, split, dissolve, or go bankrupt.

KBSV must report to the SSC about the cases specified in this Article 17.10 within five (05) days from the date of receiving the shareholder's notice.

17.11. Other obligations as prescribed by laws and this Charter.

Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

18.1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông KBSV là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

18.2. Cổ đông KBSV là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

18.3. Trường hợp cổ đông KBSV là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Nếu cổ đông không xác định cụ thể số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần của cổ đông đó sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

Article 18. The authorized representative of institutional shareholders

18.1. The authorized representative of a KBSV institution shareholder must be an individual authorized in writing on behalf of that shareholder to exercise the rights and obligations in accordance with the provisions of this Charter and relevant laws.

18.2. KBSV institutional shareholder owning at least 10% of the total common shares can authorize a maximum of three (03) authorized representatives.

18.3. In case KBSV institutional shareholder appoints multiple authorized representatives, the share number for each authorized representative must be determined specifically. If the shareholder does not determine the number of shares corresponding to each authorized representative specifically, the number of

	shares of that shareholder shall be divided equally among all authorized representatives.
18.4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho KBSV và chỉ có hiệu lực đối với KBSV kể từ ngày KBSV nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung theo quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.	18.4. The document appointing the authorized representative must be delivered to KBSV and is only effective for KBSV from the date KBSV receives the document. The document appointing the authorized representative must contain the contents prescribed in Article 14 of the Law on Enterprises.
18.5. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:	18.5. The authorized representative of KBSV institutional shareholder must satisfy the following standards and conditions:
a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;	a. Have full capacity for civil acts;
b. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.	b. Not subject to the provisions of clause 2 Article 17 of the Law on Enterprises that do not have the right to establish and manage enterprises in Vietnam.
18.6. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có những trách nhiệm như sau:	18.6. The authorized representative of KBSV institutional shareholder shall have the following duties:
a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.	a. The authorized representative acts on behalf of shareholders to exercise the rights and obligations of shareholders at the GMS in accordance with the provisions of this Charter and the Law on Enterprises. Any restrictions placed on the authorized representative by shareholders in exercising the rights and obligations of the respective shareholders at the GMS are not valid against third parties.
b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp ĐHĐCĐ; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.	b. The authorized representative is responsible for fully attending the GMS meetings; carry out authorized rights and obligations honestly, carefully, and in the best way, protecting the legitimate interests of shareholder appointing representative.
c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách	c. The authorized representative is responsible to the appointing shareholder for violating the

nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

responsibilities specified in this Article. Shareholder appointing representatives shall be responsible before the third parties for arising responsibilities relating to rights and obligations performed by the authorized representative.

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông

19.1. Sổ đăng ký cổ đông của KBSV được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy hoặc tập dữ liệu điện tử, hoặc cả hai hình thức, ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông KBSV.

19.2. Sổ đăng ký cổ đông của KBSV phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 122 của Luật Doanh nghiệp.

19.3. Sổ đăng ký cổ đông của KBSV được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV hoặc tại các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông KBSV trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của tổ chức lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

19.4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với KBSV để được cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. KBSV không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

19.5. KBSV phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan.

Article 19. Shareholder register

19.1. KBSV's shareholder register is prepared and maintained in the form of paper documents or an electronic data set, or both forms, recording information about the share ownership of KBSV shareholders.

19.2. KBSV's shareholder register must have the main contents as prescribed in Article 122 of the Law on Enterprises.

19.3. KBSV's shareholder register is storage at KBSV's headquarters or at other organizations with the function of maintaining shareholder register. Shareholders have the right to check, look up, extract, and copy the names and contact addresses of KBSV shareholders in the shareholder register during working hours of the organization that storages the shareholder register.

19.4. In case shareholders change their contact address, they have to promptly notify KBSV to be updated in the shareholder register. KBSV is not responsible for not being able to contact shareholders due to not being notified of changes in shareholders' contact addresses.

19.5. KBSV must promptly update shareholder changes in the shareholder register at the request of relevant shareholders.

Chương III
QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Bộ máy quản trị điều hành của KBSV

Bộ máy quản trị, điều hành của KBSV bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và Ban Kiểm soát.

Chapter III
MANAGEMENT AND ADMINISTRATION OF THE COMPANY

Article 20. KBSV's management and operating apparatus

KBSV's management and operation apparatus includes: the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the CEO, and the Board of Supervisory.

Mục I
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

21.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của KBSV.

21.2. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức:

a. Biểu quyết tại cuộc họp thường niên hoặc bất thường, hoặc

b. Lấy ý kiến bằng văn bản.

21.3. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ về những vấn đề được quy định tại khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

21.4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thay mặt KBSV thực hiện việc báo cáo kết quả họp ĐHĐCĐ kèm theo nghị quyết và các tài liệu liên quan cho UBCK trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Section I
THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 21. The General Meeting of Shareholders

21.1. The GMS includes all shareholders with voting rights and is the highest decision-making agency of KBSV.

21.2. The GMS passes decisions within its authority in the form of:

a. Voting at annual or extraordinary meetings, or

b. Get opinions in writing.

21.3. Resolutions and decisions of the GMS on the issues specified in clause 3 Article 23 of this Charter must be approved by voting at the GMS meetings.

21.4. The person who convening the GMS meeting have to, on behalf of KBSV, report the results of the GMS attaching with resolutions and related documents to the SSC within five (05) working days from the completion of the GMS meetings.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Article 22. Duties and authorities of the General Meeting of Shareholders

The GMS has the rights and obligations as follows:

22.1. Thông qua định hướng phát triển của KBSV;

22.1. To adopt the development orientation of the KBSV;

22.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

22.2. To make decisions on classes of shares and the total number of shares of each class which may be offered for issuance; to make decisions on the rate of annual dividend for each class of shares;

22.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;

22.3. To elect, remove or dissolve members of the BOD and members of the BOS;

22.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của KBSV;

22.4. To make decisions on the investment or sale of assets valued at 35% or more of the total value of the KBSV's assets recorded in the KBSV's latest financial statement;

22.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của KBSV;

22.5. To make decisions on amendments and supplements to the KBSV's Charter;

22.6. Thông qua báo báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

22.6. To approve the audited annual financial statements;

22.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán của mỗi loại;

22.7. To make decisions on repurchase of more than 10% of the total number of ordinary shares already sold of each class;

22.8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho KBSV và cổ đông của KBSV;

22.8. To consider and deal with breaches by the member of BOD and the member of BOS that cause damage to the KBSV and its shareholders;

22.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể KBSV;

22.9. To make decisions on re-organization and dissolution of the KBSV;

22.10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;

22.10. Decide on the budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the BOD, BOS;

22.11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;

22.11. Approve the Internal Management Regulations; regulations on operations of the BOD and BOS;

22.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của KBSV, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

22.12. Approve the list of approved auditing companies; Decide on an approved auditing company to inspect KBSV's operations, and dismiss an approved auditor when deemed necessary;

22.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của

22.13. Other rights and obligations as prescribed in

Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 23. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

23.1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

23.2. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được trong thời hạn này, HĐQT phải báo cáo UBCK bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và phải thực hiện các công việc cần thiết để để tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.

23.3. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

23.4. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của KBSV có các khoản

this Charter and provisions of law.

Article 23. The meetings of General Meeting of shareholders

23.1. The GMS meets once a year. In addition to the annual meeting, the GMS may hold extraordinary meetings. The location of the GMS is determined to be the place where the chairman participate in the meeting and must be within the territory of Vietnam.

23.2. The GMS must meet annually within four (04) months from the end of the fiscal year. In case it cannot be held within this time limit, the BOD must report to the SSC in writing, clearly stating the reason and must carry out the necessary work to organize the annual GMS in the next two (02) months.

23.3. The annual GMS discussed and approved the following issues:

a. The KBSV's annual business plan;

b. The audited Annual financial report;

c. Report of the BOD on the management and performance of the BOD and each member of the BOD;

d. Report of the BOS on the KBSV's business results, the performance of the BOD and CEO;

e. Self-assessment report on the performance of the BOS and each member of BOS;

f. Dividend rate for each share of each class;

g. Other issues under jurisdiction.

23.4. The annual GMS decides on issues according to the provisions of laws and this Charter, especially approves the audited annual financial statements. In case the audit report of KBSV's annual financial statements contains material

ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, KBSV phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của KBSV dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của KBSV.

exceptions, adverse or negative audit opinions, KBSV has to invite the competent representative of the approved auditing organization, that has audited the KBSV's financial statements, to participate in the KBSV's annual GMS, and the competent representative of the approved auditing organization mentioned above shall be responsible to attend the KBSV's annual GMS.

23.5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

23.5. All the resolutions and issues included in the meeting agenda must be discussed and voted at the meeting of GMS.

Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Article 24. Convention of the GSM

24.1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. HĐQT triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

24.1. The BOD shall convene annual and extraordinary GMS. The BOD convenes an extraordinary GMS in the following cases:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của KBSV;

a. The meeting is necessary for the KBSV's interests;

b. Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b. The quantity of remaining members of the BOD and/or BOS is less than the minimum quantity prescribed by law;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c. The meeting is requested by the shareholder or group of shareholders mentioned in clause 2 Article 115 of the Law on Enterprises; the request to convene a GMS in this case must be made in writing, clearly stating the reason and purpose of the meeting, with signatures of the entire relevant shareholders, or the written request must be made in multiple copies and gather signatures of entire relevant shareholders;

d. Theo yêu cầu của BKS;

d. The meeting is requested by the BOS;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

e. Other cases prescribed by laws and this Charter.

24.2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 24.1

24.2. The BOD shall convene the GMS within thirty (30) days from the date of occurrence of the event mentioned in point b clause 24.1 of this

của Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và/hoặc điểm d khoản 24.1 của Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Article or the day on which the request for convene the meeting mentioned in point c and/or point d clause 24.1 of this Article is received. If the BOD fails to convene such GMS, the chairman and members of the BOD shall compensate KBSV for the damage arising.

24.3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 24.2 của Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của khoản 3 Điều 140 của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho KBSV.

24.3. If the BOD does not convene the GMS as prescribed at clause 24.2 of this Article, within the next thirty (30) days, the BOS shall replace the BOD to convene the GMS in accordance with clause 3 Article 140 of the Law on Enterprises. If the BOS does not convene the GMS, the BOS shall compensate KBSV for the damage arising.

24.4. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 24.3 của Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện KBSV triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

24.4. If the BOS does not convene the GMS as prescribed in clause 24.3 of this Article, the shareholder or group of shareholders prescribed in clause 2 Article 115 of the Law on Enterprises shall convene the GMS, on behalf of KBSV, in accordance with the Law on Enterprises.

24.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

24.5. The person convening the GMS shall:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

a. Prepare a list of shareholders entitled to participate in the GMS meeting;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

b. Provide information and settle complaints relevant to the shareholder list;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

c. Draw up the meeting agenda;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d. Prepare documents for the meeting;

e. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;

e. Draft the resolution of the GMS according to the meeting agenda; prepare a list and detailed information about the candidates for members of the BOD, BOS;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

f. Determine the meeting time and venue;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại điểm a của khoản 24.5 này;

g. Send the invitation to each shareholder on the list mentioned in point a of this clause 24.5;

h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

24.6. Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các khoản 26.2, 26.3 và 26.4 của Điều này sẽ được KBSV hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

h. Perform other tasks serving the meeting.

24.6. Expenses for convening and conducting the GMS as prescribed in Clauses 26.2, 26.3 and 26.4 of this Article will be reimbursed by the KBSV. This cost does not include expenses incurred by shareholders when attending the GMS, including accommodation and travel costs.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

25.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

25.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

25.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý KBSV phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác

Article 25. List of shareholders having the right to participate in the meeting of GMS

25.1. The list of shareholders having the right to participate in meeting of the GMS is prepared basing on the KBSV's shareholder register. This list is drawn up no more than ten (10) days before the date of sending the GMS invitation.

25.2. The list of shareholders having the right to attend the GMS must include full name, contact address, nationality, and legal document number of the individual for individual shareholders; name, business code or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders; number of shares of each type, number and shareholder registration date of each shareholder.

25.3. Shareholders have the right to check, look up, extract and copy the names and contact addresses of shareholders in the list of shareholders having the right to attend the GMS; request to adjust incorrect information or add necessary information about himself/herself to the list. KBSV managers must promptly provide information in the shareholder register, amend and supplement incorrect information at the request of shareholders; responsible for compensating for damages arising from failure to provide or providing

thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

untimely or inaccurate shareholder registration information as requested. The order and procedures for requesting information in the shareholder register shall comply with the provisions of this Charter.

Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

26.1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

26.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến KBSV chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

26.3. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 26.2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 26.2 ở trên;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

26.4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 26.2 của

Article 26. Meeting agenda and contens of the General Meeting of Shareholders

26.1. The convener of the GSM shall prepare the agenda and the contents of the meeting.

26.2. Shareholder or group of shareholders prescribed at clause 2 Article 115 of the Law on Enterprises having the right to to propose issues to be included in the meeting agenda of the GMS. Proposals must be in writing and delivered to KBSV no later than three (03) working days before the commencing date. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each type of shareholder's shares, and the issue proposed to be included in the meeting agenda.

26.3. If the convener of the GMS refuses the proposal specified in clause 26.2 of this Article, at least two (02) working days before the opening date of the GMS must respond in writing and clearly state the reason. The convener of the GMS may only refuse a proposal if it falls into one of the following cases:

a. The proposal was sent incorrectly as specified in clause 26.2 of this Article;

b. At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold 5% or more of common shares as prescribed in Article clause 16.2 Article 16 of this Charter;

c. The proposed issue is not under the decision-making authority of the GMS.

26.4. The convener must accept and include the proposals specified in clause 26.2 of this Article

Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 26.3 ở trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

26.5. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều này.

into the proposed agenda and content of the GMS meeting, except for the case specified in clause 26.3 above; the proposal shall be officially added to the agenda and content of the meeting if approved by the GMS.

26.5. Only the GMS has the right to decide to change the meeting agenda sent with the meeting invitation according to the provisions of this Article.

Điều 27. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

27.1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

27.2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của KBSV.

27.3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết.

27.4. Tùy theo quyết định của người triệu tập họp ĐHĐCĐ trong từng trường hợp cụ thể, việc gửi kèm tài liệu có thể được thực hiện theo đường bưu điện hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của KBSV. Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu nếu tải liệu kèm theo thông báo mời họp được đăng tải lên trang thông tin điện tử của KBSV.

Article 27. Invitation for GMS

27.1. The convener of the GMS meeting has to send a meeting invitation to all shareholders in the list of shareholders entitled to attend the GMS meeting no later than twenty-one (21) days before the opening date. The meeting invitation must include the name, head office address, and business code; name, contact address of shareholder, meeting time, venue and other requirements for meeting attendees.

27.2. The meeting invitation notice is sent by a method to ensure it reaches the shareholder's contact address and is posted on the KBSV's website.

27.3. The meeting invitation must be sent with the following attachment:

a. Meeting agenda, documents used in the meeting and draft of resolutions for each issue in the meeting agenda;

b. Voting cards.

27.4. Depending on the decision of the convener in each specific case, the attachment of documents can be delivered by postal method or posted on KBSV's website. The meeting invitation notice must clearly state where and how to download documents if the documents accompanying the meeting invitation notice are posted on KBSV's website.

Điều 28. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

28.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 28.3 của Điều này.

28.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

28.3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này, nếu có.

Article 28. Right to participate in GMS meeting

28.1. Shareholders, authorized representatives of institutional shareholders can directly participate in the meeting, authorize in writing one or several other individuals or organizations to attend the meeting or attend the meeting through one of the following forms specified in the clause 28.3 of this Article.

28.2. Authorization for individuals or organizations to represent at the GMS meeting must be made in writing. The authorization document is made according to the provisions of civil law and must clearly state the name of the authorized individual or organization and the number of authorized shares. Individuals and organizations authorized to attend the GMS must present a written authorization when registering to attend the meeting before entering the meeting room.

28.3. Shareholders are considered to attend and vote at the GMS in the following cases:

a. Attend and vote directly at the meeting;

b. Authorize other individuals and organizations to attend and vote at the meeting;

c. Participate and vote via online conference, electronic voting or other electronic forms;

d. Send voting cards to the meeting via mail, fax, or email;

e. Send voting cards by other means as prescribed in this Charter, if any.

Điều 29. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

29.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Article 29. Conditions to conduct the meeting of GMS

29.1. GMS meeting is conducted when the number of shareholders attending the meeting represents more than 50% of the total votes.

29.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 29.1 nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

29.2. In case the first meeting does not meet the conditions to proceed as prescribed in clause 29.1 above, the notice inviting the second meeting must be sent within thirty (30) days from the intended date of the first meeting. The second meeting of the GMS is conducted when the number of shareholders attending the meeting represents at least 33% of the total votes.

29.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 29.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

29.3. In case the second meeting does not meet the conditions to proceed as prescribed in clause 29.2 of this Article, the notice inviting the third meeting must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. The third meeting of the GMS is conducted regardless of the total number of votes of shareholders attending the meeting.

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành như sau:

Article 30. Procedures for conducting meeting and voting at the General Meeting of Shareholders

The meeting and voting at the GMS meeting is conducted as follows:

30.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, KBSV phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ và thủ tục đăng ký này phải được thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, KBSV cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đó.

30.1. Before opening the meeting, KBSV must conduct registering shareholders to attend the GMS meeting and this registration procedure must be carried out until all shareholders having right to attend the meeting have registered. When registering shareholders, KBSV issues to each shareholder or authorized representative having the right to vote a voting ballot, on which is written the registration number, full name of the shareholder, and full name of the authorized representative and number of votes of those shareholders and authorized representatives.

30.2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

30.2. The election of the chairman, secretary and vote counting committee is prescribed as follows:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

a. The Chairman of the BOD chairs or authorizes another member of the BOD to chair the GMS meeting convened by the BOD; in case the Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining members of the BOD shall elect one of them to chair the meeting according to the principle of majority; in case the meeting chairman cannot be elected, the Head of the BOS will direct the GMS to elect the meeting chairman and the person with the highest number of votes will be the chairman of the meeting;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Except for the case specified in point a of this clause, the person who signs to convene the GMS meeting shall direct the GMS to elect the meeting chairman and the person having the highest number of votes shall chair the GMS meeting;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

c. The chairman appoints one or several persons to act as secretary of the meeting;

d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp (số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp).

d. The GMS elects one or several persons to the vote counting committee at the request of the meeting chairman (the number of members of the vote counting committee is decided by the GMS based on the proposal of the meeting chairman).

30.3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

30.3. The agenda and content of the meeting must be approved by the GMS in the opening session. The program must determine the time for each issue in the meeting agenda.

30.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

30.4. The chairman has the right to take necessary and reasonable measures to run the meeting in an orderly manner, in accordance with the approved program and reflecting the wishes of the majority of meeting attendees.

30.5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu

30.5. The GMS shall discuss and vote on each issue in the program content. Voting is conducted by

quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

voting "for", "against", and "no opinion". At the meeting, the number of ballots approving the resolution is collected first, the number of cards disapproving of the resolution is collected later, and finally the total number of votes "for or against" is counted to decide. The results of the vote counting shall be announced by the chairman immediately before closing the meeting.

30.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho cổ đông đến sau đăng ký.

30.6. Shareholders or authorized persons attending the meeting who arrive after the meeting has opened are still registered and have the right to vote immediately after registration. In this case, the validity of the voted contents remains unchanged. The meeting chairman is not responsible to pause the GMS meeting for those shareholders to register.

30.7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

30.7. The person who convenes the meeting or chairs the GMS has the following rights:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

a. Require all meeting attendees to be subject to inspection or other reasonable, lawful security measures;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;

b. Request competent authorities to maintain meeting order; expel from the GMS those who do not comply with the chairman's authority, intentionally disrupt order, prevent the normal progress of the meeting or do not comply with security check requirements;

30.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

30.8. The Chairman has the right to postpone a GMS meeting that has a sufficient number of shareholders registered no more than three (03) working days from the date the meeting is scheduled to open and can only postpone the meeting or change the meeting venue in following cases:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

a. The meeting venue does not have enough convenient seats for all meeting attendees;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

30.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 30.8 ở trên, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

30.10. Trường hợp KBSV tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, KBSV có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 32. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

32.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 32.3, 32.4 và 32.6 của Điều này:

b. Information facilities at the meeting venue do not ensure that shareholders attending the meeting can participate in, discuss and vote;

c. Someone attending the meeting obstructs, disrupts order, and threatens to prevent the GMS meeting from being conducted fairly and legally.

30.9. In case the chairman postpones or suspends the GMS meeting contrary to the provisions of clause 30.8 above, the GMS shall elect another person among the attendees to replace the chairman to run the meeting until the end; all resolutions passed at that meeting are effective.

30.10. In case KBSV organizes the GMS through an online meeting, KBSV is responsible to ensure that shareholders attend and vote by electronic voting or other electronic forms as prescribed in Article 144 of the Law on Enterprises and clause 3 Articles 273 Decree no. 155/2020/ND-CP.

Article 31. Methods for passing the resolution of General Meeting of Shareholders

The GMS passes resolutions under its authority by voting at the meeting or collecting written opinions.

Article 32. Conditions for a resolution of General Meeting of Shareholders to be passed

32.1. A resolution on the following content shall be passed if approved by the number of shareholders representing 65% or more of the total votes of entire shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases specified in the clause 32.3, 32.4 and 32.6 of this Article:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của KBSV;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

32.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 32.1, 32.3, 32.4 và 32.6 của Điều này.

32.3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này và/hoặc quyết định của ĐHĐCĐ trong từng trường hợp cụ thể. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số

a. Classes of shares and total number of shares of each class;

b. Changing KBSV business lines;

c. Change the company's organizational and management structure;

d. Investment projects or asset sales with a value of 35% or more of the total asset value recorded in the KBSV's most recent financial report;

e. Reorganize, dissolve the company;

f. Other issues are regulated by the company charter.

32.2. Resolutions are passed when approved by the number of shareholders holding more than 50% of the total votes of all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases specified in clause 32.1, 32.3, 32.4 and 32.6 of this Article.

32.3. Voting to elect members of the Board of Directors and Supervisory Board must be carried out by cumulative voting method, whereby each shareholder has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned then multiplied by the number of elected members of the BOD or BOS, and shareholders have the right to give all or part of their total votes to one or several candidates. The person elected to be a member of the BOD or BOS is determined by the number of votes counted from high to low, starting from the candidate with the highest number of votes until the number of members specified in this Charter and /or decision of the General Meeting of Shareholders in each specific case. In case there are two (02) or more candidates receiving the same number of votes for the last member of the BOD or BOS, re-election will be

phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

conducted among the candidates with an equal number of votes or selected according to criteria stipulated in the election regulations.

32.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

32.4. In case of passing a resolution in the form of collecting written opinions, the resolution of the GMS shall be passed if it is approved by the number of shareholders owning more than 50% of the total votes of all shareholders having voting rights.

32.5. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của KBSV.

32.5. The resolution of the GMS must be notified to shareholders having the right to attend the GMS meeting within fifteen (15) days from the date of approval; this notifcation can be replaced by posting it on the KBSV website.

32.6. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

32.6. A resolution of the GMS on content that adversely changes the rights and obligations of shareholders owning preferred shares can only be passed if it is approved by the number of preferred shareholders of the same class attending the meeting owns at least 75% of the total number of preferred shares of that class or approved by preferred shareholders of the same class owning 75% or more of the total number of preferred shares of that type in case of passing a resolution in the form of collecting written opinions.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Article 33. Authority and procedures for collecting written opinions from shareholders to pass resolutions of the GMS

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

The authority and procedures for collecting written opinions from shareholders to pass resolutions of the GMS are implemented according to the following regulations:

33.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét

33.1. The BOD has the right to collect shareholders' opinions in writing to pass a resolution of the

thấy cần thiết vì lợi ích của KBSV, bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.

33.2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

33.3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về KBSV phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

GMS when deemed necessary for the benefit of KBSV, including the cases specified in clause 2 Article 147 of the Law on Enterprises.

33.2. The BOD prepares opinion forms, draft resolutions of the GMS, documents explaining the draft resolution and sends them to all shareholders having voting rights at least ten (10) days before the deadline to return the opinion form. The preparation of a list of shareholders to deliver opinion form is carried out in accordance with the provisions of clause 1 and clause 2 Articles 141 of the Law on Enterprises. Requirements and methods for sending opinion forms and attachments comply with the provisions of Article 143 of the Law on Enterprises.

33.3. The opinion form must include the following main contents:

a. Name, head office address, business code;

b. Purpose of getting opinions;

c. Full name, contact address, nationality, legal document number of individual for individual shareholders; name, business code or legal document number of the organization, head office address for shareholders who are organizations or full name, contact address, nationality, legal document number of individuals for with representatives of institutional shareholders; number of shares of each class and number of votes of shareholders;

d. The issue needs opinions for approval;

e. Voting options include approval, disapproval and no opinion;

f. Deadline for sending the completed opinion form to KBSV;

g. Full name, signature of the Chairman of the BOD.

33.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến KBSV bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về KBSV phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

33.5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại KBSV. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

33.4. Shareholders can send answered opinion forms to the KBSV by mail, fax or email according to the following regulations:

a. In case of mailing, the answered opinion form must have the signature of the individual shareholder, the authorized representative or the legal representative of the institutional shareholder. Opinion forms sent to KBSV must be kept in sealed envelopes and no one is allowed to open them before counting the votes;

b. In case of sending a fax or email, the opinion form sent to the company must be kept confidential until the time of counting the votes;

c. Opinion forms delivered to the company after the deadline specified in the opinion form content or opened in case of mail and disclosed in case of fax or email are invalid. Opinion forms that are not returned are considered non-voting votes.

33.5. The BOD organizes vote counting and prepares vote counting minutes under the witness and supervision of the BOS or shareholders who do not hold management positions in KBSV. The vote counting minutes must include the following main contents:

a. Name, head office address, business code;

b. Purpose and issues requiring comments to pass the resolution;

c. Number of shareholders with the total number of votes who participated in the vote, distinguishing between the number of valid votes and the number of invalid votes and the method of sending votes, accompanied by an appendix of the list of participating shareholders voting;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

33.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của KBSV trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

33.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV.

33.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

d. Total number of votes for, against, and no opinion on each issue;

e. The issue has been passed and the corresponding voting rate;

f. Full name and signature of the Chairman of the BOD, the vote counting supervisor and the person counting the votes.

Members of the BOD, vote count and vote counting supervisor must be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting minutes; jointly responsible for damages arising from decisions adopted due to dishonest or inaccurate vote counting.

33.6. Minutes of vote counting and resolutions must be sent to shareholders within fifteen (15) days from the completion date of vote counting. Sending the vote counting minutes and resolutions can be replaced by posting them on the KBSV's website within twenty-four (24) hours from the end of the vote counting.

33.7. The answered opinion form, vote counting minutes, approved resolutions and related documents enclosed with the opinion form must be kept at the KBSVs headquarters.

33.8. The resolution is passed in the form of collecting shareholders' opinions in writing if it is approved by the number of shareholders owning more than 50% of the total votes of entire shareholders having voting rights and has the same value as the resolution approved at the GMS meeting.

Điều 34. Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

34.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng

Article 34. Meeting minutes, resolution of General Meeting of Shareholders

34.1. The GMS meeting must be recorded in minutes and may be audio-recorded or recorded and stored in another electronic form. Minutes must

	tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:		be made in Vietnamese, may be made in a foreign language, and must include the following main contents:
a.	Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	a.	Name, head office address, business code;
b.	Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;	b.	Time and venue of the GMS meeting;
c.	Chương trình và nội dung cuộc họp;	c.	Meeting agenda and content;
d.	Họ, tên chủ tọa và thư ký;	d.	Full names of the chairman and secretary;
e.	Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;	e.	Summary of meeting proceedings and opinions expressed at the GMS on each issue in the meeting agenda;
f.	Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;	f.	Number of shareholders and total votes of shareholders attending the meeting, appendix of shareholder registration list, shareholder representatives attending the meeting with the corresponding number of shares and votes;
g.	Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;	g.	Total number of votes for each voting issue, clearly stating the voting method, total number of valid votes, invalid votes, approval, disapproval and no opinion; corresponding proportion of the total number of votes of shareholders attending the meeting;
h.	Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;	h.	Issues that have been approved and the corresponding percentage of votes for approval;
i.	Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	i.	Full name, signature of the chairman and secretary. In case the meeting chairman, secretary refuses to sign the meeting minutes, these minutes shall be effective if signed by all other members of the BOD attending the meeting and have full content as prescribed in this clause. The meeting minutes clearly state that the chairman and secretary refused to sign the meeting minutes.
34.2.	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.	34.2.	Minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the end of the meeting.
34.3.	Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu	34.3.	The chairman and secretary of the meeting or another person who signs the meeting minutes

trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

34.4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

34.5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của KBSV.

34.6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV.

must be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes' content.

34.4. Minutes made in Vietnamese and foreign languages have the same legal effect. In case there is any difference between the Vietnamese and foreign language version, the content in the minutes in Vietnamese shall apply.

34.5. Minutes of the GMS meeting must be sent to all shareholders within fifteen (15) days from the end of the meeting; Sending the vote counting minutes can be replaced by posting it on the KBSV's website.

34.6. The minutes of the GMS meeting, the appendix of the list of shareholders registered to attend the meeting, the passed resolutions and related documents enclosed with the meeting invitation must be kept at the KBSV's headquarters.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

35.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

35.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Article 35. Request to cancel the resolution of the GMS

Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolution or minutes of the GMS meeting or the minutes of vote counting results to collect written opinions from the GMS, shareholder, group of shareholders specified in clause 2 Article 115 of the Law on Enterprises have the right to request the Court or Arbitrator to consider and cancel the entire or part of the resolution of the GMS in the following cases:

35.1. The order and procedures for convening meetings and making decisions of the GMS seriously violate the provisions of the Law on Enterprises and this Charter, except for the case specified in clause 2 Article 152 of the Law on Enterprises;

35.2. The content of the resolution violates the laws or this Charter.

Điều 36. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

36.1. Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

36.2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

36.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Article 36. Effectiveness of resolution of the GMS

36.1. The resolution of the GMS takes effect from the date of approval or from the effective date stated in that resolution.

36.2. A resolution of the GMS passed by 100% of the total number of voting shares is legal and effective even if the order and procedures for convening the meeting and passing that resolution violate the provisions of the Law on Enterprises and this Charter.

36.3. In case a shareholder or group of shareholders requests the Court or Arbitrator to cancel the resolution of the GMS as prescribed in Article 35 of this Charter, that resolution will still be in effect until an effective decision is made to cancel the resolution of the Court or Arbitration, except in the case of applying temporary emergency measures according to the decision of a competent authority.

Mục II
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Section II
BOARD OF DIRECTORS

Điều 37. Hội đồng quản trị

37.1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

37.2. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ này quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

Article 37. The Board of Directors

37.1. The BOD is the company's management agency, with full authority on behalf of the company to make decisions and exercise the rights and obligations of the company, except for the rights and obligations under the authority of the GMS.

37.2. The BOD passes resolutions and decisions by voting at meetings, soliciting opinions in writing or other forms prescribed by this Charter. Each member of the BOD has one vote.

37.3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ này gây thiệt hại cho KBSV thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho KBSV; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của KBSV có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

37.3. In case a resolution or decision passed by the BOD is contrary to the provisions of laws, the resolutions of the GMS, and this Charter, causing damage to the KBSV, the members who approve the resolution or decision must be jointly involved and take personal responsibility for such resolutions and decisions and have to compensate KBSV for damages; members who oppose the adoption of the above resolutions and decisions are exempted from liability. In this case, the KBSV's shareholders have the right to request the Court to suspend the implementation or cancel the above resolutions and decisions.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

38.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của KBSV;

38.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

38.3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

38.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của KBSV;

38.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

38.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

Article 38. Duties and authorities of the Board of Directors

The BOD has the following rights and obligations:

38.1. Decide on the KBSV's strategy, medium-term development plan and annual business plan;

38.2. Propose classes of shares and total number of shares authorized to be offered for sale of each class;

38.3. Decide to sell unsold shares within the number of shares authorized to be offered for each class; decide to mobilize additional capital in other forms;

38.4. Decide the selling price of the KBSV's shares and bonds;

38.5. Decide to repurchase shares according to the provisions of clause 1 and clause 2 Article 133 of the Law on Enterprises;

38.6. Decide on investment plans and investment projects within the authority and limits prescribed by law;

38.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

38.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 15% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của KBSV, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

38.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGĐ và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

38.10. Giám sát, chỉ đạo TGĐ và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của KBSV;

38.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của KBSV, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

38.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

38.13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

38.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

38.7. Decide on market development, marketing and technology solutions;

38.8. Approve contracts to buy, sell, borrow, lend and other contracts and transactions with a value of 15% or more of the total asset value recorded in the KBSV's most recent financial report, except for contracts, transactions under the authority of the GMS according to the provisions of point d clause 2 Article 138, clause 1 and clause 3 Article 167 of the Law on Enterprises;

38.9. Elect, dismiss and remove the Chairman of the BOD; appoint, dismiss, sign contracts, and terminate contracts with the CEO and other important managers as prescribed by this Charter; decide on salaries, remunerations, bonuses and other benefits of those managers; appoint authorized representatives to participate in the Board of Members or GMS in other companies, and decide on the remuneration and other benefits of those persons;

38.10. Supervise and direct the CEO and other managers in running the KSV's daily business operations;

38.11. Decide on the KBSV's organizational structure, internal management regulations, decide on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices and capital contributions and share purchases of other enterprises;

38.12. Approve the agenda and content of documents for the GMS meeting, convene the GMS meeting or collect opinions for the GMS to pass resolutions;

38.13. Submit the audited annual financial reports to the GMS;

38.14. Propose the rate of dividends to be paid; decide on the time limit and procedures for paying

38.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

38.16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

38.17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 39. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

39.1. HĐQT có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.

39.2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

39.3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

39.4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này.

Điều 40. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

dividends or handling losses arising during the business process;

38.15. Proposing the reorganization and dissolution of the company; request company bankruptcy;

38.16. Decision to promulgate operating regulations of the BOD and internal regulations on corporate governance after being approved by the GMS; decision to promulgate regulations on company information disciosure;

38.17. Other rights and obligations according to the provisions of the Law on Enterprises, Law on Securities and this Charter.

Article 39. Number and term of office of BOD

39.1. The BOD comprises of three (03) to eleven (11) members. The GMS shall specify the number of members of the BOD for each term.

39.2. The term of office of a member of the BOD is no more than 5 years and can be re-elected for an unlimited number of terms. The appointment of members of the BOD must be disclosed according to legal regulations.

39.3. In case the term of office of all members of the BOD ends at the same time, those members will continue to be members of the BOD until the new members are elected to replace them and take over the work.

39.4. A member of the BOD no longer has the status of a member of the BOD in the case of being dismissed, removed or replaced by the GMS according to the provisions of Article 45 of this Charter.

Article 40. Standards, conditions for being a member of the Board of Directors

Members of the Board of Directors must have the following standards and conditions:

40.1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

40.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng và không nhất thiết phải là cổ đông của KBSV;

40.3. Không phải là Giám đốc hoặc TGĐ, thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác tại Việt Nam;

40.4. Không từng là thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền cấm hoạt động;

40.5. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác không phải là công ty chứng khoán.

40.1. Have full civil act capacity and are not subject to the provisions in clause 2 Article 17 of the Law on Enterprises;

40.2. Have professional qualifications and experience in business administration or in the fields of securities, finance, banking and do not necessarily have to be a shareholder of KBSV;

40.3. Not be the Director or CEO, member of the BOD, member of the Board of Members of another securities company in Vietnam;

40.4. Not have ever been a member of the BOD or legal representative of a company that went bankrupt or was banned from operation by a competent authority;

40.5. A member of the BOD of KBSV can simultaneously be a member of the BOD of another company that is not a securities company.

Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị

41.1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

41.2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh TGĐ của KBSV, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

41.3. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

Article 41. Chairman of the Board of Directors

41.1. The Chairman of the BOD is elected, dismissed, and removed by the BOD among the members of the BOD.

41.2. The Chairman of the BOD cannot concurrently hold the position of CEO of the KBSV, unless the GMS decides otherwise.

41.3. The Chairman of the BOD has the following duties and powers:

a. Prepare programs and operational plans for the BOD;

b. Prepare agenda, content, and documents for meetings; convene, chair and preside meetings of the BOD;

c. Organize the adoption of resolutions and decisions of the BOD;

d. Supervise the process of organizing and implementing resolutions and decisions of the BOD;

e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

f. Lãnh đạo và bảo đảm sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;

g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục liên quan đến hoạt động của HĐQT;

h. Thường xuyên họp, trao đổi với TGĐ và người liên lạc với thành viên HĐQT và TGĐ;

i. Đảm bảo trao đổi thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác, rõ ràng giữa các thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

j. Đảm bảo hiệu quả trong đối thoại và liên hệ với các cổ đông;

k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT;

l. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

41.4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

41.5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục

e. Preside the GMS meeting;

f. Leading and ensuring the effective operation of the BOD;

g. Develop, implement and review procedures relating to the activities of the BOD;

h. Regularly meet and discuss with the CEO and contact person with members of the BOD and CEO;

i. Ensure timely, complete, accurate and clear information exchange between members of the BOD and the Chairman of the BOD;

j. Ensure effectiveness in dialogue and contact with shareholders;

k. Organize periodic assessments of the work of the BOD, departments under the BOD and each member of the BOD;

l. Carry out other tasks and responsibilities as requested by the GMS and the BOD according to actual needs and circumstances;

m. Other rights and obligations according to the provisions of the Law on Enterprises and this Charter.

41.4. In case the Chairman of the BOD resigns or is dismissed, removed, the BOD must elect a repiacement within ten (10) days from the date of receipt of the resignation or dismissal or dismissal.

41.5. In case the BOD Chairman is absent or unable to perform his duties, he has to authorize in writing another member to exercise the rights and obligations of the BOD Chairman according to the principles stipulated in this Charter. In case there is no authorized person or the BOD Chairman, is missing, is detained, is serving a prison sentence, is serving administrative measures at a mandatory drug treatment facility, or a mandatory educational facility,

bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

escaped from place of residence, restricted or lost civil act capacity, has difficulty in cognition or behavior control, is banned by the Court from holding certain positions, practicing certain professions or doing certain jobs, then the remaining BOD members elect one (01) person from among the members to hold the position of BOD Chairman according to the principle that the majority of the remaining members agree until there is a new decision of the BOD.

41.6. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

41.6. When deemed necessary, the Board of Directors decides to appoint a company secretary. The company secretary has the following rights and obligations:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;

a. Support in organizing meetings of the GMS and the BOD; record meeting minutes;

b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b. Support members of the BOD in exercising assigned rights and obligations;

c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

c. Support the BOD in applying and implementing corporate governance principles;

d. Hỗ trợ KBSV trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

d. Support KBSV in building shareholder relationships and protecting the legitimate rights and interests of shareholders; compliance with obligations to provide information, publicize information and administrative procedures;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

e. Other rights and obligations as prescribed in this Charter.

Điều 42. Cuộc họp Hội đồng quản trị

42.1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu

Article 42. Meetings of the Board of Directors

42.1. The BOD Chairman is elected at the first meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the closing date of that BOD election. This meeting is convened and chaired by the member with the highest number of votes or the highest percentage of votes. In case there is more than one member with the

bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

42.2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

42.3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của BKS;

b. Có đề nghị của TGĐ hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

d. Trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

42.4. Đề nghị quy định tại khoản 42.3 ở trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

42.5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 42.3 của Điều lệ này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với KBSV; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

42.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

highest and equal number of votes or percentage of votes, the members vote to select one (01) person among them to convene a meeting of the BOD according to the majority principle.

42.2. The BOD meeting shall be carried out at least once a quarter and there may be extraordinary meetings.

42.3. The BOD Chairman convenes BOD meeting in the following cases:

a. There is a request from the BOS;

b. There is a request from the CEO or at least five (05) other managers;

c. There is a request from at least two (02) members of the BOD;

d. Other cases prescribed by this Charter.

42.4. The request specified in clause 42.3 above must be made in writing, clearly stating the purpose, issues to be discussed and decided within the authority of the BOD.

42.5. The BOD Chairman has to convene a BOD meeting within seven (07) working days from the date of receiving the request specified in clause 42.3 above. In case of failure to convene such meeting as requested, the BOD Chairman must be responsible for any damage caused to KBSV; the requester has the right to replace the BOD Chairman to convene a BOD meeting.

42.6. The BOD Chairman or the person convening the BOD meeting has to send a notice inviting the meeting no later than seven (07) working days before the meeting date. The meeting invitation must specifically identify the meeting time and venue, program, issues discussed and decisions. Attached to the meeting invitation notice, there must be documents used at the meeting and members' votes.

42.7. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.

42.7. Notices of invitation to BOD meetings can be sent by invitation, phone, fax, electronic means or other methods prescribed by this Charter and are guaranteed to reach the registered contact address of each BOD member at KBSV.

42.8. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

42.8. The BOD Chairman or the convener sends the meeting invitation notice and attachment to the BOS members as for BOD members.

BOS Members have the right to attend the BOD meetings; have the right to discuss but not vote.

42.9. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản 42.9 này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

42.9. A BOD meeting is conducted when three-quarters (3/4) or more of the total BOD members attend the meeting. In case the meeting convened according to the provisions of this clause 42.9 does not have enough members attending the meeting as prescribed, it will be convened a second time within seven (07) days from the intended date of the first meeting. In this case, the meeting is conducted if more than half (1/2) of the BOD members attend the meeting.

42.10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 42.11 của Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

42.10. BOD members are considered to attend and vote at the meeting in the following cases:

a. Attend and vote directly at the meeting;

b. Authorize another person to attend the meeting and vote according to the provisions of clause 42.11 of this Article;

c. Participate and vote via online conference, electronic voting or other electronic forms;

d. Send voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;

e. Send voting ballots by other means as prescribed in this Charter.

42.11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp HĐQT. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

42.11. In case of sending voting ballots to the meeting via mail, the voting ballot must be in a sealed envelope and must be delivered to the BOD Chairman at least one (01) hour before the opening of the BOD meeting. Voting ballots may only be opened in the presence of all attendees.

42.12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

42.12. Members must attend all meetings of the BOD. Members can authorize others to attend meetings and vote if approved by a majority of the BOD.

42.13. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

42.13. Resolutions and decisions of the BOD are passed if approved by a majority of members attending the meeting; in case the number of votes is equal, the final decision belongs to the side with the opinion of the BOD Chairman.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị

43.1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian, địa điểm họp;
c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

Article 43. BOD meeting minutes

43.1. BOD meetings must be minuted and may be audio-recorded, recorded and stored in other electronic forms. Minutes must be made in Vietnamese and may be made in a foreign language, including the following main contents:

a. Name, head office address, business code;
b. Meeting time and venue;
c. Purpose, agenda and meeting content;
d. Full name of each member attending the meeting or person authorized to attend the meeting and how to attend the meeting; full names of members not attending the meeting and reasons;
e. The issue was discussed and voted at the meeting;
f. Summarize the opinions of each attending member according to the order of the meeting's progress;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 43.2 của Điều này.

43.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 43.1 của Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với KBSV do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

43.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

43.4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV.

43.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng

g. Voting results clearly state members who approve, disapprove and have no opinion;

h. The issue has been passed and the corresponding voting rate;

i. Full name, signature of the chairperson and the person taking the minutes, except for the cases specified in clause 43.2 of this Article.

43.2. In case the chairman or person taking the minutes refuses to sign the meeting minutes, but if all other BOD members, who attend and agree to approve the meeting minutes, sign and the minutes have all the content as prescribed in clause 43.1 of this Article, then this minute shall take effect. The meeting minutes clearly state that the chairman and the person taking the minutes refused to sign the meeting minutes. The person who signs the meeting minutes is jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the content of the BOD meeting minutes. The chairman and the person taking the minutes are personally responsible for any damage caused to KBSV due to refusing to sign the meeting minutes in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, this Charter and relevant laws.

43.3. The chairman, the person taking the minutes and those signing the minutes must be responsible for the truthfulness and accuracy of the content of the minutes of the BOD meeting.

43.4. Minutes of the BOD meeting and documents used in the meeting must be kept at the KBSV's headquarters.

43.5. Minutes made in Vietnamese and in a foreign language have the same legal effect. In case there is a difference in content between the minutes in Vietnamese and in a foreign

tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

language, the content in the minutes in Vietnamese shall apply.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

44.1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGĐ, PTGĐ, người quản lý khác trong KBSV cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của KBSV và của đơn vị trong KBSV.

44.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Article 44. Right of member of the BOD to be provided with information

44.1. BOD members have the right to request the CEO, Deputy CEO, and other managers in KBSV to provide information and documents about the financial situation and business activities of KBSV and of units within KBSV.

44.2. Managers are required to provide timely, complete and accurate information and documents as requested by BOD members.

Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

45.1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

45.2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

45.3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 45.1 và 45.2 của Điều này.

45.4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

Article 45. Dismissal, removal, replacement and addition of BOD member

45.1. The GMS dismisses the BOD members in the following cases:

a. Not meeting the standards and conditions as prescribed in Article 155 of the Law on Enterprises;

b. There was a resignation letter and it was accepted;

c. Other cases specified in this Charter.

45.2. The GMS removes the BOD members in the following cases:

a. Not participating in the activities of the BOD for six (06) consecutive months, except in cases of force majeure;

b. Other cases specified in this Charter.

45.3. When deemed necessary, the GMS decides to replace the BOD members; dismiss or removes the BOD members other than the cases specified in clause 45.1 and 45.2 of this Article.

45.4. The BOD must convene a GMS meeting to elect additional members of the BOD in the following cases:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số theo quyết định của ĐHĐCĐ đối với mỗi lần bầu HĐQT. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

a. The number of BOD members is reduced by more than one-third (1/3) compared to the number specified in the decision of the GMS for each election of the BOD. In this case, the BOD must convene a GMS meeting within sixty (60) days from the date the number of members is reduced by more than one-third (1/3);

b. Except for the cases specified in point a of this clause, the GMS elects new members to replace BOD members who were dismissed or removed at the most recent meeting.

Mục III
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Section III
CHIEF EXECUTIVE OFFICER, OTHER EXECUTIVES AND SECRETARY OF THE KBSV

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành

46.1. Hệ thống quản lý của KBSV phải bảo đảm bộ máy quản lý của KBSV chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của KBSV. Bộ máy quản lý của KBSV bao gồm TGĐ, các PTGĐ, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý này phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT.

46.2. Người điều hành công ty bao gồm TGĐ, PTGĐ, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này. Theo đề nghị của TGĐ và được sự chấp thuận của HĐQT, KBSV được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ KBSV đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Article 46. Organization of management apparatus and executives

46.1. KBSV's management system must ensure that KBSV's management apparatus is responsible to the BOD and is subject to the supervision and direction of the BOD in KBSV's daily business. KBSV's management apparatus includes the CEO, Deputy CEO, Chief Accountant and other management positions appointed by the BOD. The appointment, dismissal, and removal of these management positions must be approved by resolutions, decisions of the BOD.

46.2. Company executives include the CEO, Deputy CEO, Chief Accountant, and other executives according to the provisions of this Charter. At the request of the CEO and with the approval of the BOD, the Company is allowed to recruit other executives with numbers and standards consistent with the KBSVs structure and management regulations prescribed by the BOD. The executives must be responsible for

supporting KBSV in achieving the set goals in operations and organization.

46.3. TGĐ được trả lương và thưởng. Tiền lương, thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của TGĐ sẽ do HĐQT quyết định.

46.3. The CEO is paid salary and bonus. Salary, bonuses, benefits and other terms in the CEO's labor contract shall be decided by the BOD.

Điều 47. Ban Tổng Giám đốc

47.1. TGĐ là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của KBSV, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

47.2. TGĐ, PTGĐ phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Luật Chứng khoán và quy định của Điều lệ này.

47.3. KBSV phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám đốc và phải được HĐQT thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;

b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với HĐQT, BKS.

Article 47. Board of Management

47.1. The CEO is the person who runs the daily business of KBSV, is subject to the supervision of the BOD and is responsible before the BOD and before the laws for the implementation of assigned rights and obligations.

47.2. The CEO and Deputy CEO in charge of operations must meet the standards prescribed in the Law on Securities and the provisions of this Charter.

47.3. KBSV must develop working regulation for the BOM and this regulation must be approved by the BOD. Working regulations must have at least the following basic contents:

a. Specific responsibilities and tasks of members of the BOM;

b. Regulations on the order and procedures for organizing and participating in meetings;

c. Reporting responsibilities of the BOM to the BOD, BOS.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

48.1. Tiêu chuẩn và điều kiện về nhân thân

a. Có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án

Article 48. Criteria and conditions to be the CEO

48.1. Personal standards and conditions

a. Have full legal capacity and civil act capacity, not subject to being banned from enterprise management according to the provisions of the Law on Enterprises;

b. Not be a person who has ever been or is currently being prosecuted for criminal liability or serving a prison sentence or banned from

phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

practicing securities according to the provisions of law;

c. Không phải là người hành nghề đã bị UBCK thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật;

c. Not be a practitioner whose practicing certificate has been revoked by the SSC according to the provisions of law;

d. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm gần nhất;

d. Not been sanctioned for administrative violations in the field of securities and stock market within the most recent two (02) years;

e. Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

e. Comply with professional ethics rules in securities business activities.

48.2. Tiêu chuẩn và điều kiện về chuyên môn

48.2. Professional standards and conditions

a. Có bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán;

a. Have a university or postgraduate degree majoring in finance, banking or securities;

b. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

b. Have at least three (03) years of experience working in the operational department of organizations in the fields of finance, securities, banking, insurance or in the finance, accounting, investment department of businesses other than those fields;

c. Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm quản lý, điều hành;

c. Have at least three (03) years of management and administration experience;

d. Có chứng chỉ hành nghề phân tích hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

d. Have an analyst practice certificate or a fund management profession certificate in accordance with Vietnamese law.

48.3. Tiêu chuẩn và điều kiện khác

TGĐ của KBSV không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

48.3. Other standards and conditions

The CEO of KBSV cannot concurrently hold positions according to the provisions of laws and this Charter.

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Article 49. Appointment and dismissal of the CEO

49.1. Việc bổ nhiệm TGĐ được thực hiện như sau:

49.1. The appointment of the CEO is carried out as follows:

a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGĐ.

a. The BOD appoints one (01) member of the BOD or hires another person to be the CEO.

b. Nhiệm kỳ của TGĐ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. The term of the CEO does not exceed five (05) years and can be reappointed for an unlimited number of terms.

c. Đối với trường hợp HĐQT thuê người khác làm TGĐ, việc bổ nhiệm có thể chấm dứt hiệu lực căn cứ quy định tại hợp đồng thuê.

c. In cases where the BOD hires another person to be the CEO, the appointment can be terminated based on the provisions of the hiring contract.

49.2. TGĐ có thể bị HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. TGĐ không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Điều lệ này;

b. TGĐ có đơn xin từ chức;

c. Đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGĐ mới thay thế (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT được bổ nhiệm làm TGĐ);

d. Trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

49.2. The CEO can be dismissed by the BOD in the following cases:

a. The CEO no longer meets the standards and conditions prescribed in this Charter;

b. The CEO has submitted a resignation letter;

c. The majority of the attending BOD members, who have the right to vote, approve and appoint a new CEO for replacement (in this case, the votes of the BOD members appointed as the CEO shall not be counted);

d. Other cases in accordance with legal regulations.

Điều 50. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

50.1. TGĐ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của KBSV mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của KBSV;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của KBSV; đề xuất HĐQT quyết định vị trí và số lượng người quản lý, người điều hành của KBSV;

Article 50. Duties and authority of CEO

50.1. The CEO has the following duties and powers:

a. Decide on issues related to the KBSV's daily business that are not under the authority of the BOD;

b. Organize the implementation of resolutions and decisions of the BOD;

c. Organize the implementation of the KBSV's business plan and investment plan;

d. Proposing the KBSV's organizational structure and internal management regulations; proposing the BOD to decide on the position and number of managers and executives of KBSV;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong KBSV, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong KBSV, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGĐ;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên HĐQT;

j. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 15% tổng giá trị tài sản của KBSV được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

k. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng nhân danh KBSV, trừ các thỏa thuận, hợp đồng thuộc thẩm quyền ký kết của HĐQT;

l. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, và phải báo cáo HĐQT khi được yêu cầu;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của HĐQT và/hoặc hợp đồng lao động ký kết với KBSV.

50.2. TGĐ phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của KBSV theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với KBSV và nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho KBSV thì TGĐ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho KBSV.

Mục IV
BAN KIỂM SOÁT

e. Appoint, dismiss, remove the management positions in KBSV, except for positions under the BOD authority;

f. Decide salaries and other benefits for employees in KBSV, including managers under the appointment authority of the CEO;

g. Labor recruitment;

h. Proposing plans to pay dividends or handle business losses;

i. Submit annual financial settlement report to the BOD;

j. Decide on purchase, sale, loan, lending contracts and other contracts with a value of less than 15% of the total value of KBSV's assets recorded in the most recent financial report;

k. Sign agreements and contracts on behalf of KBSV, except for agreements and contracts under the signing authority of the BOD;

l. Be responsible to the BOD for performing assigned tasks and powers, and must report to the BOD when requested;

m. Other rights and obligations according to the provisions of laws, this Charter and resolutions, decisions of the BOD and/or labor contract signed with KBSV.

50.2. The CEO has to manage the daily business of KBSV in accordance with the provisions of laws, this Charter, labor contract signed with KBSV and resolutions and decisions of the BOD. In case of operating contrary to the provisions of this clause and causing damage to KBSV, the CEO has to be responsible before the laws and must compensate KBSV for damage.

Section IV
BOARD OF SUPERVISORY

Điều 51. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát

51.1. BKS có từ ba (03) đến năm (05) kiểm soát viên (thành viên BKS). Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS phải có hơn một nửa số kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

51.2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ này quy định. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của KBSV.

51.3. Trường hợp kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

51.4. Thành viên BKS do ĐHĐCĐ bầu chọn theo nguyên tắc dồn phiếu và cơ chế đề cử theo quy định tại khoản 32.3 Điều 32 và điểm e khoản 16.2 Điều 16 Điều lệ này.

Article 51. Board of Supervisory and its structure

51.1. The BOS comprises of three (03) to five (05) supervisors (members of the BOS). The term of office of the supervisor shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms. The BOS must have more than half of its supervisors permanently residing in Vietnam.

51.2. The BOS Head is elected by the BOS from among the supervisors; election, dismissal, removal according to the majority principle. The rights and obligations of the BOS Head are prescribed by this Charter. The BOS Head must have a university degree or higher in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or a major related to the business activities of KBSV.

51.3. In case the supervisors have the same term ending date and the supervisor of the new term have not been elected yet, the supervisors whose term has expired will continue to exercise rights and obligations until the supervisors of the new term are elected and receiving duties.

51.4. BOS members are elected by the GMS according to the principle of cumulative votes, and nomination mechanism as stipulated in clause 32.3 of Article 32 and point e, clause 16.2 of Article 16 of this Charter.

Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Article 52. Criteria and conditions to be supervisor

Supervisors must have the following standards and conditions:

52.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

52.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của KBSV;

52.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGĐ và người quản lý khác;

52.4. Không phải là người quản lý KBSV; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của KBSV;

52.5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của KBSV trong ba (03) năm liền trước đó;

52.6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

52.1. Have full capacity for civil acts and are not subject to the provisions of Clause 2 Article 17 of the Law on Enterprises;

52.2. Be trained in one of the majors in economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or a major suitable to the business activities of KBSV;

52.3. Not be a family member of the BOD, CEO and other managers;

52.4. Not be a KBSV manager; not necessarily be a shareholder or employee of KBSV;

52.5. Not be a member or employee of an independent auditing company that audited the KBSV's financial statements for the previous three (03) years;

52.6. Other standards and conditions as prescribed by relevant laws and this Charter.

Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

53.1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGĐ trong việc quản lý và điều hành công ty.

53.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

53.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của KBSV, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

53.4. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp

Article 53. Duties and authorities of the BOS

53.1. The BOS supervises the BOD and CEO in the management and operation of the company.

53.2. Check the reasonableness, legality, honesty and level of caution in managing and operating business activities; systematic, consistent and appropriate nature of accounting, statistics and financial reporting.

53.3. Appraise the completeness, legality and honesty of the KBSV's business status report, annual and six (06) monthly financial reports, management evaluation report of the BOD and submit an appraisal report at the annual GMS meeting.

53.4. Review contracts and transactions with related persons under the approval authority of the BOD or GMS and make recommendations on

đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

53.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của KBSV.

53.6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của KBSV, công việc quản lý, điều hành hoạt động của KBSV khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này.

53.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của KBSV.

53.8. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của KBSV.

53.9. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGĐ vi phạm quy định tại khoản 66.1 Điều 66 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

contracts and transactions that require approval from the BOD, GMS.

53.5. Review, check and evaluate the effectiveness and efficiency of the KBSVs internal control, internal audit, risk management and early warning systems.

53.6. Review accounting books, accounting records and other documents of KBSV, management and operations of the KBSV when deemed necessary or according to the resolution of the GMS or at the request of shareholders or group of shareholders prescribed in clause 16.2 Article 16 of this Charter.

53.7. When there is a request from a shareholder or group of shareholders specified in clause 16.2 Article 16 of this Charter, the BOS shall carry out an inspection within seven (07) working days from the date of receipt of the request. Within fifteen (15) days from the completion date of the inspection, the BOS has to report on the requested issues to be inspected to the BOD and the requesting shareholder or group of shareholders. The inspection by the BOS specified in this clause must not hinder the normal operations of the BOD and must not disrupt the KBSV's business operations.

53.8. Recommend to the BOD or the GMS measures to amend, supplement and improve the organizational structure of management, supervision and administration of the KBSV's business activities.

53.9. When discovering that a member of the BOD or the CEO violates the provisions of clause 16.2 Article 16 of this Charter, the BOS must immediately notify the BOD in writing, request the violator to stop the violation and have a solution to handle the consequences.

53.10. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, thành viên Ban TGĐ vi phạm pháp luật, Điều lệ này, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của KBSV hoặc cổ đông của KBSV hoặc khách hàng của KBSV thì BKS có trách nhiệm yêu cầu người vi phạm giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, BKS phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

53.10. When it is discovered that a member of the BOD or the BOM violates the law and this Charter, leading to an infringement of the rights and interests of KBSV, shareholders of KBSV or customers of KBSV, the BOS is responsible for requesting the violator to explain within a certain time or request to convene the GMS to resolve. For violations of the laws, the BOS has to report in writing to the SSC within seven (07) working days from the date of discovery of the violation.

53.11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của KBSV.

53.11. Attend and participate in discussions at the GMS meeting, the BOD meeting and other meetings of KBSV.

53.12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của KBSV để thực hiện nhiệm vụ được giao.

53.12. Use independent consultants and the KBSV's internal audit department to perform assigned tasks.

53.13. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

53.13. The BOS can consult the BOD before submitting reports, conclusions and recommendations to the GMS.

53.14. BKS có quyền được cung cấp thông tin theo quy định pháp luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:

53.14. The Supervisory Board has the right to be provided with information according to corporate law, specifically as follows:

a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

a. Documents and information must be sent to the supervisors at the same time and in the same manner as members of the BOD, including:

(i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

(i) Notice of meeting invitation, opinion form for members of the BOD and accompanying documents;

(ii) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;

(ii) Resolutions, decisions and meeting minutes of the GMS and the BOD;

(iii) Báo cáo của TGĐ trình HĐQT hoặc tài liệu khác do KBSV phát hành.

(iii) Report of the CEO to the BOD or other documents issued by KBSV.

b. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của KBSV lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của KBSV trong giờ làm việc.

b. Supervisors have the right to access KBSV records and documents kept at headquarters, branches and other locations; have the right to go to the workplace of managers and employees of KBSV during working hours.

c. HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.

53.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết ĐHĐCĐ.

c. The BOD, members of the BOD, CEO, and other managers have to provide complete, accurate, and timely information and documents on the management, administration, and business activities of KBSV as required by the supervisor or BOS.

53.15. Other rights and obligations according to the provisions of the Law on Enterprises, this Charter and the resolutions of the GMS.

Điều 54. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

54.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định của Điều lệ này;

54.2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả các thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;

54.3. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS;

54.4. Thay mặt BKS ký các văn bản, tài liệu thuộc thẩm quyền của BKS, bao gồm cả các báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ;

54.5. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Điều lệ này;

54.6. Tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

54.7. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ;

Article 54. Duties and authorities of Head of the Board of Supervisory

Duties and powers of the BOS Head:

54.1. Organize and implement the tasks and powers of the BOS according to the provisions of this Charter;

54.2. Prepare the agenda for meetings of the BOS on the basis of considering the issues and concerns of all members of the BOS relating to the tasks and powers of the BOS;

54.3. Convene and chair the BOS meeting;

54.4. On behalf of the BOS, sign documents under the authority of the BOS, including reports of the BOS after consulting with the BOD to submit to the GMS;

54.5. On behalf of the BOS, convene an extraordinary meeting of the GMS or request an extraordinary meeting of the BOD according to the provisions of this Charter;

54.6. Attend the meeting of the BOD, express opinions but not vote;

54.7. Request to record your opinion in the minutes of the BOD meeting if your opinion is different from the resolutions and decisions of the BOD and report to the GMS;

54.8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS theo quy định nội bộ của KBSV;

54.9. Yêu cầu HĐQT, TGĐ và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

54.10. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét;

54.11. Giám sát, chỉ đạo các thành viên BKS trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;

54.12. Ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

54.13. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

54.8. Prepare work plans and assign tasks to members of the BOS according to KBSV's internal regulations;

54.9. Require the BOD, CEO and other executives to provide relevant information to report to the BOS;

54.10. Ensure that members of the BOS receive complete, objective, accurate information and have enough time to discuss issues that the BOS has to consider;

54.11. Supervise and direct members of the BOS in performing assigned tasks and duties, powers of the BOS;

54.12. Authorize another member of the BOS to perform his/her duties during his/her absence;

54.13. Other duties and powers as prescribed in this Charter and the provisions of laws.

Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

55.1. Thành viên BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy định nội bộ của BKS một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của KBSV và cổ đông;

b. Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS theo quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ của KBSV trong từng thời kỳ;

c. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường;

d. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục sai phạm, nếu có;

e. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên KBSV cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động

Article 55. Duties and authorities of members of the Board of Supervisory

55.1. BOS members have the following duties and powers:

a. Comply with the provisions of laws, this Charter and the Internal Regulations of the BOS honestly and carefully, for the benefit of KBSV and shareholders;

b. Elect a member of the BOS to be Head of the BOS according to the provisions of this Charter and internal regulations of KBSV in each period;

c. Request the BOS Head to convene an extraordinary meeting of the BOS;

d. Control business activities, check accounting books, assets, financial reports and make recommendations to correct violations, if any;

e. Have the right to request KBSV officials and employees to provide data and explain business activities to perform assigned tasks;

kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

f. Báo cáo Trưởng BKS về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;

g. Tham dự các cuộc họp của BKS, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

h. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

55.2. Việc đưa ra yêu cầu và tổ chức thực hiện các yêu cầu của thành viên BKS tuân theo các quy định do cấp có thẩm quyền của KBSV ban hành trong từng thời kỳ.

f. Report to the BOS Head on unusual financial activities and take personal responsibility for his/her assessments and conclusions;

g. Attend meetings of the BOS, contribute comments and vote on issues within the duties and powers of the BOS, except for issues that conflict with interests of that member;

h. Other duties and powers according to the provisions of this Charter and the laws.

55.2. Making requests and organizing the implementation of requests by members of the BOS comply with regulations issued by competent authorities of KBSV in each specific period.

Điều 56. Cuộc họp của Ban kiểm soát

56.1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành khi có đề nghị của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên HĐQT hoặc Trưởng BKS hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên BKS hoặc TGĐ.

56.2. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS.

56.3. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

Article 56. The meetings of the Board of Supervisory

56.1. The BOS meeting shall be conducted at least two (02) times a year and may be convened for extraordinarily to promptly resolve unexpected tasks. Extraordinary meetings of the BOS are conducted at the request of the Chairman of the BOD or at least two-thirds (2/3) of the members of the BOD or the BOS Head or at least two-thirds (2/3) of the members of the BOS or CEO.

56.2. The number of BOS members attending the meeting is at least two-thirds (2/3) of the members of the BOS.

56.3. Minutes of BOS meetings are made in details and clearly. The person taking the minutes and the BOS members attending the meeting must sign the meeting minutes. Minutes of BOS meetings must be kept to determine the responsibilities of each BOS member.

56.4. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGĐ và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

56.5. BKS được quyền ban hành quy định nội bộ về cá nội dung khác, ngoài những nội dung được nêu tại Điều này, có liên quan đến cuộc họp BKS (như thể thức thông báo, triệu tập họp, thể thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và quy định của Điều lệ này.

56.4. The BOS has the right to request members of the BOD, the CEO and representatives of approved audit organizations to attend and answer issues that need to be clarified.

56.5. The BOS has the right to issue internal regulations on other contents, in addition to the contents stated in this Article, related to the BOS meeting (such as method of notification, convening meetings, meeting organization procedures, voting, meeting minutes, consulting members in writing) on the basis of compliance with the laws and the provisions of this Charter.

Điều 57. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

57.1. BKS thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên BKS có một phiếu biểu quyết.

57.2. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp BKS đó. Thành viên BKS đó cũng đồng thời không được nhận ủy quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết về vấn đề đó.

57.3. Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận dự kiến sẽ được giao kết với KBSV phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với HĐQT và BKS để HĐQT và BKS xem xét về việc có tiếp tục thực hiện hoặc có giao kết hợp đồng, thỏa thuận đó không. Nếu như hợp đồng, thỏa thuận đó đã được giao kết, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và

Article 57. Passing the decision of the Board of Supervisory

57.1. The BOS passes the decision by voting at the meeting or soliciting written opinions. Each member of the BOS has one vote.

57.2. BOS members who have interests related to the issue decided by the BOS shall not be allowed to participate in voting on that issue and shall not be counted in the number of delegates required to be present at that BOS meeting. That BOS member is also not allowed to receive authorization from another BOS member to participate in voting on that issue.

57.3. If, according to his or her knowledge, a member of the BOS is directly or indirectly involved in a contract or agreement expected to be concluded with KBSV, he or she must declare the nature of related interests to the BOD and the BOS in order for the BOD and BOS to consider whether to continue implementing or enter into that contract or agreement or not. If such contract or agreement has been signed, that member must immediately notify it at the most recent meeting of the BOD and the most

cuộc họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

recent meeting of the BOS after that member knows that there are related interests.

Điều 58. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

58.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

58.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của KBSV.

58.3. Trung thành với lợi ích của KBSV và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của KBSV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

58.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

58.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 58.1, 58.2, 58.3 và 58.4 Điều này mà gây thiệt hại cho KBSV hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho KBSV.

58.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Article 58. Responsibilities of member of the Board of Supervisory

58.1. Comply with the laws, this Charter, resolutions of the GMS and professional ethics in exercising assigned rights and obligations.

58.2. Exercise assigned rights and obligations honestly, carefully, and in the best way to ensure the KBSV's maximum legitimate interests.

58.3. Loyal to the interests of the KBSV and shareholders; do not abuse your position and use information, know-how, business opportunities, or other KBSV assets for personal gain or to serve the interests of other organizations or individuals.

58.4. Other obligations according to the provisions of the laws and this Charter.

58.5. In case of violation of the provisions of clauses 58.1, 58.2, 58.3 and 58.4 of this Article that causes damage to KBSV or other people, the supervisor must be personally or jointly responsible for compensating for that damage. Income and other benefits that the supervisor receives due to violations must be returned to KBSV.

58.6. In case a supervisor is discovered to have committed a violation in exercising assigned rights and obligations, he/she has to notify the BOS in writing; request the violator to stop the violation and remedy the consequences.

Điều 59. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

59.1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

Article 59. Dismissal, removal of supervisor

59.1. The GMS dismisses the Supervisor in the following cases:

a. Năng lực hành vi dân sự của kiểm soát viên bị mất hoặc bị hạn chế;

b. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này;

c. Có đơn từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) và được chấp thuận.

59.2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

59.3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên BKS vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

a. The Supervisor's civil act capacity is lost or limited;

b. No longer meets the standards and conditions to be a Controller as prescribed in Article 52 of this Charter;

c. There is a resignation letter (clearly stating the reason for resignation) and it is accepted.

59.2. The GMS removes the Supervisor in the following cases:

a. Failure to complete assigned tasks and work;

b. Failure to exercise your rights and obligations for six (06) consecutive months, except in cases of force majeure;

c. Repeated violations and serious violations of the Supervisor's obligations according to the provisions of the Law on Enterprises and this Charter.

59.3. After being dismissed or removed, BOS member still has to be responsible for their decisions during their time in office.

Mục V
NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, KHÔNG CÙNG ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH

Điều 60. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

60.1. Những người sau đây không được làm thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, PTGĐ (nếu có) và chức danh tương đương của KBSV:

a. Người thuộc trường hợp quy định tại khoản 60.2 của Điều này;

Section V
CASES OF NOT BEING PERMITTED TO HOLD A POSITION, TO HOLD POSITION IN OTHER ORGANIZATION, DEFAULT LOSS OF POSITION

Article 60. Cases of not being permitted to hold a position

60.1. The following persons are not allowed to be members of the BOD, members of the BOS, CEO, Deputy CEO (if any) and equivalent positions of KBSV:

a. Persons in the cases specified in clause 60.2 of this Article;

b.	Người thuộc trường hợp không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;	b.	Persons who are not allowed to participate in management and administration according to the provisions of the law on cadres and civil servants and the law on prevention and anti-corruption;
c.	Người đã từng làm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (TGĐ), chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, HĐQT, BKS của doanh nghiệp, chủ nhiệm và thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;	c.	People who used to be owners of private enterprises, general partners of partnerships, Directors (General Directors)/CEO, Chairman and members of the Board of Members, Board of Directors, Board of Supervisory of enterprises, heads and members of the Management Board of the cooperative at the time that enterprise or cooperative is declared bankrupt, except in cases where the enterprise or cooperative is declared bankrupt due to force majeure;
d.	Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp đó bị đình chỉ hoạt động, bị buộc phải giải thể do vi phạm pháp luật, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;	d.	The legal representative of the enterprise at the time that enterprise is suspended from operation or forced to dissolve due to violations of the laws, except in the case of a representative at the request of a competent state agency to rectify and strengthen that enterprise;
e.	Người có liên quan của thành viên HĐQT, TGĐ của KBSV không được làm thành viên BKS của KBSV;	e.	Related persons of members of the BOD and CEO of KBSV are not allowed to be members of the BOS of KBSV;
f.	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được làm TGĐ của KBSV;	f.	A related person of the BOD Chairman is not allowed to be the CEO of KBSV;
g.	Người chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc công ty chứng khoán khác bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	g.	The person responsible according to the inspection conclusion leads to another securities company being sanctioned for administrative violations in the field of securities and the stock market at the highest fine bracket for violations according to the provisions on handling administrative violations in the field of securities and stock market.
60.2.	Những người sau đây không được làm Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của KBSV	60.2.	The following people are not allowed to work as Chief Accountant or Branch Director of KBSV

a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;

c. Người bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích, người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên;

e. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam.

60.3. Bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, TGĐ và vợ hoặc chồng của những người quy định tại khoản 60.1, 60.2 của Điều này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của KBSV.

60.4. Người có liên quan đến TGĐ, PTGĐ (nếu có), Giám đốc Chi nhánh, Trưởng các bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ của KBSV không được là nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ tại KBSV.

a. Minors, people with limited civil act capacity or lost civil act capacity;

b. People who are being prosecuted for criminal liability or are serving criminal sentences or decisions of the Court;

c. People convicted of property infringement whose criminal records have not yet been erased, people who have been convicted of crimes ranging from serious crimes or more;

d. Officials, civil servants, and managers at department level or higher in enterprises in which the State holds 50% or more of the charter capital;

e. Officers, non-commissioned officers, professional soldiers, defense workers in agencies and units of the Vietnam People's Army; professional officers and non-commissioned officers in agencies and units of the Vietnam People's Police.

60.3. Biological parents, adoptive parents, spouses, biological children, adopted children, biological siblings of BOD members, CEO and spouses of the people specified in clause 60.1, 60.2 of this Article must not be the Chief Accountant or person in charge of finance of KBSV.

60.4. People related to the CEO, Deputy CEO (if any), Branch Director, Head of specialized departments, and people performing operations of KBSV must not be the personnel of the internal audit or internal control department at the KBSV.

Điều 61. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

61.1. Thành viên HĐQT của KBSV không được đồng thời là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng

Article 61. Case of not allowed to hold the position simultaneously

61.1. BOD members of KBSV cannot simultaneously be members of the BOD, members of the Board

thành viên, TGĐ của công ty chứng khoán khác.

61.2. Trưởng BKS của KBSV không được đồng thời là thành viên BKS hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

61.3. TGĐ, PTGĐ (nếu có) của KBSV không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác.

61.4. TGĐ của KBSV không được là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.

of Members, or CEO of another securities company.

61.2. The BOS Head of KBSV cannot simultaneously be a member of the BOS or a manager of another securities company.

61.3. The CEO and Deputy CEO (if any) of KBSV must not simultaneously work for a securities company, fund management company or other enterprise.

61.4. The CEO of KBSV cannot be a member of the BOD or Member Council of another securities company.

Điều 62. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

62.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ đương nhiên mất tư cách trong những trường hợp sau:

a. Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

b. Vi phạm quy định tại Điều 60 của Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của KBSV khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d. Không còn là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

f. Khi KBSV bị thu hồi Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

g. Khi hợp đồng thuê TGĐ chấm dứt hiệu lực;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

Article 62. Naturally loss of status of BOD member, BOS member, CEO

62.1. The cases of naturally lose the status BOD members, BOS members, and the CEO shall automatically lose their status in the following cases:

a. Loss of civil act capacity or death;

b. Violating the provisions in Article 60 of this Charter regarding cases of not being allowed to hold positions;

c. Be the representative of the capital contribution of an organization that is a shareholder of KBSV when that organization's legal status is terminated;

d. No longer an authorized representative of an institutional shareholder;

e. Expelled from Vietnamese territory;

f. When KBSV has its Establishment License or Business Registration Certificate revoked;

g. When the contract to hire the CEO expires;

h. Other cases as prescribed by law and this Charter.

62.2. Sau khi đương nhiên mất tư cách theo khoản 62.1 của Điều này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ của KBSV vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

62.2. After losing their status according to clause 62.1 of this Article, BOD members, BOS members, and the CEO of KBSV must still be responsible for their decisions during their tenure.

Mục VI
THU NHẬP VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN; CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN; TRÁCH NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ

Section VI
INCOME AND OTHER BENEFITS OF MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, THE SUPERVISOR; PUBLICIZE RELATED INTERESTS; RESPONSIBILITIES OF MANAGERS

Điều 63. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

63.1. KBSV có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT, trả lương, thưởng cho TGĐ và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

63.2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT, TGĐ được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên HĐQT được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

Article 63. Salaries, remuneration, bonuses and other benefit of BOD member, the CEO

63.1. The company has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors, salaries and bonuses to the CEO and other managers according to business results and efficiency.

63.2. Salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the BOD and CEO are paid according to the following regulations:

a. BOD members receive remuneration and bonuses. Remuneration for work is calculated based on the number of work days needed to complete the duties of a BOD member and the daily remuneration rate. The BOD estimates the remuneration for each member according to the principle of consensus. The total remuneration and bonus of the BOD is decided by the GMS at the annual meeting;

b. BOD members are paid for meals, accommodation, travel and other reasonable expenses when performing assigned tasks;

c. TGĐ được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGĐ do HĐQT quyết định.

63.3. Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGĐ và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

63.4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

63.5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

63.6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

c. The CEO is paid salary and bonuses. The CEO's salary and bonus are decided by the BOD.

63.3. The remuneration of each BOD member, the salary of the CEO and other managers are included in the company's business expenses according to the provisions of law on corporate income tax, and are shown as a separate item in the financial statements. annual policy of the company and must report to the GMS at the annual meeting.

63.4. BOD members holding executive positions or BOD members working in subcommittees of BOD or performing other tasks outside the normal scope of duties of a member of the BOD may receive additional remuneration in the form of a lump sum of wages each time, salary, commission, percentage of profit or in other forms as decided by the BOD.

63.5. BOD members have the right to be paid all travel, meals, accommodation and other reasonable expenses that they have to pay when performing their responsibilities as BOD members, including other expenses. Fees incurred in attending meetings of the GMS, the BOD or subcommittees of the BOD.

63.6. BOD members can have liability insurance purchased by the Company after approval from the GMS. This insurance does not include insurance for the responsibilities of members of the BOD related to violations of the law and this Charter.

Điều 64. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của kiểm soát viên

64.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền

Article 64. Income, remuneration, bonuses and other benefit of supervisor

64.1. Supervisors are paid salaries, remunerations, bonuses and other benefits according to the GMS decision. The GMS decides on the total

lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS;

64.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác;

64.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của KBSV theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của KBSV.

salary, remuneration, bonus, other benefits and annual operating budget of the BOS;

64.2. Supervisors are paid for meals, accommodation, travel, and the cost of using independent consulting services at reasonable rates. The total remuneration and expenses do not exceed the total annual operating budget of the BOS approved by the GMS, unless the GMS decides otherwise;

64.3. Salaries and operating expenses of the BOS are included in the KBSV's business expenses in accordance with the law on corporate income tax and other relevant laws and must be made into a separate section in the KBSV's annual financial report.

Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của KBSV được thực hiện như sau:

65.1. KBSV phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của KBSV theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với KBSV;

65.2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác của KBSV phải kê khai cho KBSV về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ,

Article 65. Publicize related interests

Publicizing the related interests and persons of KBSV is carried out as follows:

65.1. KBSV has to gather and update a list of KBSV related persons according to the provisions of clause 46 Article 4 of the Law on Securities and their respective contracts and transactions with KBSV;

65.2. The BOD members, BOS members, CEO and other managers of KBSV have to declare to KBSV their related interests, including:

a. Name, business code, head office address, industry and business lines of the enterprise in which they own or own capital contributions or shares; proportion and time of ownership, and ownership of that capital contribution or share;

b. Name, enterprise code, head office address, industry and business line of the enterprise in which their related persons own, jointly or

cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

65.3. Việc kê khai quy định tại khoản 65.2 của Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với KBSV trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

65.4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 65.1 và 65.2 của Điều này được thực hiện như sau:

a. KBSV phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của KBSV;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d. KBSV phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 65.4 Điều này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

65.5. Thành viên HĐQT, TGĐ nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của KBSV đều phải giải trình

separately own capital contributions or shares of more than 10% of charter capital.

65.3. The declaration specified in clause 65.2 of this Article must be made within seven (07) working days from the date the relevant benefit arises; amendments and supplements must be notified to the KBSV within seven (07) working days from the date of the corresponding amendment or supplement;

65.4. The storage, disclosure, review, extract, and copying of the list of related persons and related interests declared as prescribed in clause 65.1 and 65.2 of this Article is carried out as follows:

a. KBSV must notify the list of related persons and related interests to the GMS at the annual meeting;

b. The list of related people and related interests is kept at KBSV's headquarters; if necessary, part or all of the above list can be kept at KBSV branches;

c. Shareholders, authorized representatives of shareholders, BOD members, BOS members, CEO and other managers have the right to review, extract and copy part or all of the declared content;

d. KBSV has to faciliate the persons specified in point c clause 65.4 of this Article to access, review, extract, and copy the list of related people and related interests in the fastest and most convenient way; dooes not prevent or cause difficulties for them in exercising this right.

65.5. BOD members and CEO, on their own behalf or on behalf of others, to perform work in any form within the scope of KBSV's business have to explain the nature and content of that work to

bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về KBSV.

the BOD, BOS and can only be implemented when approved by a majority of the remaining BOD members; if the work is done without declaration or without approval of the BOD, all income derived from that activity belongs to KBSV.

Điều 66. Trách nhiệm của người quản lý

66.1. Thành viên HĐQT, TGĐ và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, và nghị quyết ĐHĐCĐ;

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của KBSV và tránh các xung đột về quyền lợi với KBSV; thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó; thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ của KBSV để thực hiện các giao dịch có liên quan;

c. Trung thành với lợi ích của KBSV và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của KBSV để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của KBSV;

Article 66. Responsibilities of managers

66.1. BOD members, CEO and other managers have the following responsibilities:

a. Implement assigned rights and obligations according to the provisions of the Law on Enterprises, other relevant laws, this Charter, and GMS resolutions;

b. Carry out assigned rights and obligations honestly, carefully, and in the best way to ensure maximum legitimate interests of KBSV and avoid conflicts of interest with KBSV; BOD member is not allowed to vote on transactions benefiting that member or that member's related person; BOD members, BOS members, CEO, other managers and their related persons are not allowed to use or disclose to others internal information of KBSV to carry out related transactions;

c. Loyal to the interests of KBSV and its shareholders; do not abuse your position and use information, know-how, business opportunities and other assets of KBSV for personal gain or to serve the interests of other organizations and individuals; BOD members, BOS members, CEO, other managers and their related persons may only use information obtained through their positions to serve the interests of KBSV;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho KBSV về nội dung quy định tại khoản 65.2 Điều 65 của của Điều lệ này;

e. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

66.2. Thành viên HĐQT, TGĐ và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 66.1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho KBSVvà bên thứ ba.

66.3. KBSV bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do KBSV là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được KBSV ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của KBSV, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của KBSV trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí theo phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư, nếu có) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. KBSV có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

d. Timely, fully and accurately notify KBSV of the content specified in clause 65.2 Article 65 of this Charter;

e. Other responsibilities according to the provisions of the Law on Enterprises and this Charter.

66.2. BOD members, CEO and other managers who violate the provisions of clause 66.1 of this Article are individually or jointly responsible for compensating for lost benefits, returning benefits received and compensating for all damages to KBSV and third parties.

66.3. KBSV indemnifies those who have been, are or may become a related party in complaints, lawsuits and prosecutions (including civil and administrative cases and not a lawsuit that KBSV being the plaintiff) if that person has been or is currently a BOD member, BOS member, CEO, other executive, employee or representative authorized by KBSV and has been or is performing tasks authorized by KBSV, acting honestly and carefully for the benefit of KBSV on the basis of compliance with the law and without evidence confirming that that person has violated his or her responsibilities. Compensation costs include costs under judgments, fines, and amounts payable in reality (including attorney fees, if any) when resolving these cases within the framework of the law. KBSV can buy insurance for these people to avoid the above compensation responsibilities.

Điều 67. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa KBSV với người có liên quan

67.1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa KBSV với người có liên quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của KBSV và người có liên quan của họ;

b. Thành viên HĐQT, TGĐ và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác của KBSV phải kê khai theo quy định tại Khoản 65.2 Điều 65 của Điều lệ này.

67.2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 67.1 của Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của KBSV ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện KBSV ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

67.3. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 67.2 của Điều này;

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của

Article 67. Approve contracts, transactions between KBSV and its related persons

67.1. The GMS or the BOD approves contracts and transactions between KBSV and the following related persons:

a. Shareholders, authorized representatives of institutional shareholders owning more than 10% of the total common shares of KBSV and their related persons;

b. BOD members, CEO and their related persons;

c. Enterprises that BOD members, BOS members, CEO and other managers of KBSV have declare according to the provisions of clause 65.2 Article 65 of this Charter.

67.2. The BOD approves contracts and transactions as prescribed in clause 67.1 of this Article and with its value being less than 35% of the total value of KBSV's assets recorded in the most recent financial report. In this case, the KBSV representative signing the contract or transaction has to notify the BOD member and the BOS members about the subjects related to that contract or transaction and attach the draft contract or main content of the transaction. The BOD decides to approve contracts and transactions within fifteen (15) days from the date of receipt of the notice; BOA members with interests related to the parties in contracts and transactions do not have voting rights.

67.3. The GMS approved the following contracts and transactions:

a. Contracts and transactions other than the contracts and transactions specified in clause 67.2 of this Article;

b. Contracts, loan transactions, loans, and asset sales with a value greater than 10% of the total

doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

67.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 67.3 của Điều này, người đại diện KBSV ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và BKS về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu còn lại đồng ý hoặc trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 32.1 và 32.4 của Điều lệ này.

67.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc TGĐ có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho KBSV khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

value of the enterprise's assets recorded in the most recent financial report between the company and shareholders owning 51% or more of the total shares with voting rights or more or related persons of that shareholder.

67.4. In case of approval of a contract or transaction as prescribed in clause 67.3 of this Article, the KBSV representative signing the contract or transaction must notify the BOD and BOS about the subjects involved in that contract or transaction and enclose the draft contract or notice of the main contents of the transaction. The BOD submits draft contracts or transactions or explains the main contents of contracts and transactions at the GMS meeting or collects shareholders' opinions in writing. In this case, shareholders with interests related to the parties in the contract or transaction do not have voting rights; the contract or transaction is approved when the number of shareholders representing at least 65% of the remaining votes agree or in case of passing a resolution in the form of collecting opinions in writing, the GMS resolution passed if approved by the number of shareholders holding more than 50% of the total votes of all shareholders with voting rights. Contracts and transactions are approved according to the provisions of Articles 32.1 and 32.4 of this Charter.

67.5. Contracts and transactions are invalidated according to the Court's decision and handled according to the provisions of laws when signed inconsistently with the provisions of this Article; The person signing the contract or transaction, the relevant shareholder, BOD member or CEO must jointly compensate for any damages incurred and return to KBSV the profits gained

67.6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

from the performance of that contract or transaction.

67.6. The company must disclose relevant contracts and transactions in accordance with relevant laws.

Chương IV
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 68. Báo cáo

68.1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của KBSV;

b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành KBSV;

d. Báo cáo thẩm định của BKS.

68.2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b, và c khoản 68.1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

68.3. Báo cáo quy định tại khoản 68.1 của Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của KBSV liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 69. Công khai thông tin

69.1. KBSV phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp

Chapter IV
REPORT AND PUBLISH INFORMATION

Article 68. Report

68.1. At the end of the fiscal year, the BOD has to submit the following report to the GMS:

a. Report on the KBSVs business results;

b. Audited annual financial statements;

c. Report on evaluating the KBSV's management and administration;

d. Appraisal report of the Board of Supervisory.

68.2. The report specified in points a, b and c clause 68.1 of this Article must be sent to the Board of Supervisory for appraisal at least thirty (30) days before the opening date of the Annual GMS.

68.3. The report specified in clause 68.1 of this Article and the audit report must be kept at KBSV's headquarters no later than ten (10) days before the opening date of the annual GMS meeting. Shareholders who own shares of KBSV continuously for at least one (01) year have the right to directly review the report specified in this Article by themselves or with lawyers, accountants, and auditors with practicing certificates.

Article 69. Publish information

69.1. KBSV has to send the annual financial report approved by the GMS to the competent state agency in accordance with the provisions of laws on accounting and other relevant laws.

luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

69.2. KBSV công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a. Điều lệ công ty;

b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ công ty;

c. Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua;

d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của HĐQT và BKS.

69.3. KBSV phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất là ba (03) ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

69.4. KBSV thực hiện công bố thông tin, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và/hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.

69.2. KBSV published on its website the following information:

a. The Charter;

b. Resumes, educational qualifications and professional experience of BOD members, BOS members, and the CEO;

c. The annual audited financial report has been approved by the GMS;

d. Report on evaluating the annual performance of the BOD and BOS.

69.3. KBSV has to notify the Business Registration Authority where the company is headquartered no later than three (03) working days after receiving information or changing information about full name, nationality, passport number, contact address, number of shares and class of shares of shareholders who are foreign individuals; name, business code, head office address, number of shares and class of shares of shareholders who are foreign organizations and full name, nationality, passport number, contact address of the authorized representative rights of shareholders who are foreign organizations.

69.4. KBSV carries out information disclosure and information disclosure in accordance with the provisions of law on securities and stock markets and/or other relevant laws.

Chương V
CON DẤU

Điều 70. Con dấu

70.1. Dấu của KBSV bao gồm con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ

Chapter V
STAMP

Article 70. Stamp

70.1. KBSV's stamp includes a stamp made at a stamp engraving organization or a seal in the form of

ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

70.2. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của KBSV, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có) của KBSV. Nội dung và hình thức của những con dấu này được khắc theo quy định của pháp luật hiện hành.

70.3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu của KBSV, chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có) của KBSV được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của KBSV trong từng thời kỳ.

a digital signature in accordance with the laws on electronic transactions.

70.2. The BOD decides on the type of stamp, quantity, form and content of the stamp of KBSV and its branches, representative offices (if any). The content and form of these stamps are engraved in accordance with current laws.

70.3. The management, use and storage of the stamp of KBSV and its branches and representative offices (if any) are carried out in accordance with current laws and regulations of KBSV in each specific time.

Chương VI
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Chapter VI
FINANCIAL MANAGEMENT AND ACCOUNTING

Điều 71. Năm tài chính

Năm tài chính của KBSV bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Article 71. Fiscal year

KBSV fiscal year commences on the 1st January and ends on the 31st December of every calendar year.

Điều 72. Hệ thống kế toán

72.1. KBSV sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. KBSV phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

72.2. KBSV phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan phù hợp với loại hình hoạt động kinh doanh của KBSV. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của KBSV.

Article 72. Accounting system

72.1. KBSV uses the Vietnam Accounting System (VAS) or accounting system approved by the Ministry of Finance and in compliance with accounting policies for securities firms issued by the Ministry of Finance and related guidelines. KBSV is subject to the inspection of state agencies on the implementation of accounting - statistics policies.

72.2. KBSV prepares accounting books in Vietnamese and keeps the records and accounting books in line with the KBSV's business activity. Records and accounting books must be accurate, current, and complete to demonstrate and explain the KBSV's transactions.

72.3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

72.3. KBSV uses Vietnamese Dong as the currency unit in accounting.

Điều 73. Kiểm toán

73.1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của KBSV phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét đúng quy định.

73.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho KBSV phải được UBCKNN chấp thuận.

73.3. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán KBSV cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều Khoản và Điều kiện thảo thuận với HĐQT. Trong cùng năm tài chính, KBSV không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

73.4. Sau khi kết thúc năm tài chính, KBSV phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

73.5. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của KBSV.

Article 73. Auditing

73.1. Annual financial statements, reports of prudential financial ratios as at 31st December, semi-annual financial statements, reports of prudential financial ratios as at 30th June of the KBSV must be audited by an independent audit firm in accordance with regulations.

73.2. Independent audit firm and their staff performing the audit for the Company must be first approved by the SSC.

73.3. Annual GMS designates an independent audit firm or approve the list of the independent audit firms and authorize the BOD to select one of those for conducting audit of the KBSV for the next fiscal year based on the Terms and Conditions agreed with the BOD. KBSV is not allowed to change the approved audit organization within the fiscal year, unless the KBSV's parent company changes their approved audit organization or the approved audit organization is suspended or disqualified.

73.4. After the fiscal year, KBSV shall prepare and deliver its annual financial statements to the independent audit firm. Independent auditing firm shall verify, certify and give comments to the KBSV's annual financial statements, prepare the audit report and submit this report to the BOD within sixty (60) days from the end of the fiscal year.

73.5. A copy of the audit report shall be attached to the KBSV's annual financial statements.

73.6. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của KBSV sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ đông được quyền nhận, và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của KBSV.

73.6. Independent auditors performing the audit shall be allowed to attend any GMS and be entitled to receive the same notices and other information relating to the GMS as the shareholders and voice their opinions in the GMS meeting on audit-related issues.

Điều 74. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó KBSV kinh doanh có lãi.

Article 74. Handling of business losses

Losses in the previous year shall be dealt with in the subsequent year if the KBSV generates profit from its business in such subsequent year.

Điều 75. Trích lập các quỹ

75.1. Hàng năm, KBSV trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

a. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

b. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật hoặc của ĐHĐCĐ.

75.2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Article 75. Distribution of funds

75.1. Every year, part of KBSV's profit shall be distributed to the following funds:

a. Bonus and welfare fund;

b. Other funds as specified by laws or GMS.

75.2. The distribution rate, distribution limit and the management and usage of those funds shall comply with the current prosions of laws.

Chương VII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ; TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ

Chapter VII
INTERNAL DISPUTE RESOLUTION; RESTRUCTURING, BANKCRUPTCY, DISMISSAL, LIQUIDATION

Điều 76. Tranh chấp nội bộ và giải quyết tranh chấp nội bộ

76.1. Tranh chấp nội bộ bao gồm các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của KBSV, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với KBSV;

Article 76. Internal dispute and resolution

76.1. Internal disputes include disputes, complaints relating to the KBSV's operation, rights and obligations of the shareholders in accordance with the Law on Enterprises, this Charter, other provisions or agreements between:

a. Shareholder and KBSV;

b. Cổ đông với HĐQT, BKS, TGĐ hay người điều hành khác.

76.2. Phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ:

a. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp nội bộ thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

b. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

c. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án tiến hành giải quyết tranh chấp.

b. Shareholder and KBSV's BOD, BOS, BOM or other managers.

76.2. Method of internal dispute resolution:

a. Related parties shall try to resolve internal disputes through negotiation and conciliation. Except for disputes relating to the BOD or Chairman of the BOD, the Chairman of the BOD shall preside over dispute resolution and requires each party to present dispute-related information within ten (10) working days from the date the dispute arising. In case of a dispute relating to the BOD or Chairman of the BOD, any party can request or appoint an independent expert to mediate the dispute resolution process.

b. In case a conciliation decision is not reached within thirty (30) working days from the beginning of the conciliation process or if the conciliator's decision is not accepted by the parties, a party may that dispute to Arbitration or Court.

c. The parties shall bear their own expenses during the negotiation and conciliation procedures. Payment of Arbitration or Court costs is made according to the decision of the Arbitrator or Court resolving the dispute.

Điều 77. Tổ chức lại

77.1. KBSV có thể thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình sau khi được UBCK chấp thuận.

77.2. Trình tự và thủ tục thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Article 77. Restructuring

77.1. KBSV might be divided, separated, consolidated, merged or converted basing on SSC approval.

77.2. The order and procedure of division, separation, consolidation, merge and conversion of owning types shall be executed in accordance with the Law on Enterprises, Law on Securities and other relevant laws.

Điều 78. Phá sản, giải thể, thanh lý

78.1. Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

78.2. Giải thể

a. Công ty có thể bị giải thể trong trường hợp sau đây:

(i) Theo nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và được UBCK chấp thuận; hoặc

(ii) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật về quản lý thuế có quy định khác, hoặc theo quyết định của Tòa án; hoặc

(iii) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b. Điều kiện giải thể

KBSV chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

Người quản lý có liên quan và KBSV cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của KBSV trong trường hợp quy định tại tiết (ii) điểm a khoản 78.2 Điều này.

c. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày được thông qua, nghị quyết/quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty. Nghị quyết/quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của KBSV.

Trường hợp KBSV còn nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết/quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan. Phương án giải

Article 78. Bankruptcy, dismissal, liquidation

78.1. The bankruptcy of the KBSV shall be implemented following the provisions of the law on bankruptcy.

78.2. Dismissal

a. KBSV shall be dismissed in either of the following cases:

(i) Base on GMS decision and SSC approval;

(ii) The License for establishment and operation, or the Certificate of business registration, is revoked, unless otherwise prescribed by the laws on tax administration, or according to a decision of the Court; or

(iii) Other cases as stipulated by laws.

b. Conditions for dissolution

KBSV might only be dissolved when it ensures the payment of all debts and/or other property obligations, and it is not in the process of resolving disputes at Court or Arbitration.

The relevant manager and KBSV shall be jointly responsible for KBSV's debts in the case stipulated in item (ii) point a clause 78.2 of this Article.

c. Within seven (07) working days from the date of approval, the dissolution resolution/decision and meeting minutes must be sent to the Business Registration Authority, tax authority, and employees in the Company. The dissolution resolution/decision must be posted on the National Business Registration Portal and publicly posted at the KBSV's headquarters, branches, and representative offices.

If KBSV has unpaid financial obligations, the dissolution resolution/decision and debt settlement plan must be sent to the creditors and people with related rights, obligations and interests. The debt settlement plan must

quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. Người đại diện theo pháp luật của KBSV gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của KBSV.

78.3. Thanh lý

a. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể KBSV, HĐQT phải thành lập một Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của KBSV tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của UBCK. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước HĐQT KBSV và pháp luật. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

b. Thành viên của Ban thanh lý phải có tối thiểu một kiểm toán viên độc lập hoặc một chuyên gia tổ chức định giá độc lập. Tất cả chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được KBSV ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của KBSV.

c. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo UBCK về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm thành lập và bắt đầu hoạt động, Ban thanh lý sẽ thay mặt KBSV trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý KBSV trước Tòa án và các cơ quan hành chính. Quá trình hoạt động của Ban thanh lý phải sự giám sát của UBCK.

d. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

(i) Các chi phí thanh lý;

include the name and address of the creditor; debt amount, term, location and method of payment of that debt; method and time limit for resolving creditors' complaints. The KBSV's legal representative shall submit the dissolution documents to the Business Registration Authority within five (05) working days from the date of payment of all the KBSV's debts.

78.3. Liquidation

a. At least six (06) months after the KBSV's decision on dissolution is made, the BOD must establish a Liquidation Committee to handle the assets of KBSV at the time of dissolution, with supervision from the SSC. All issues arising during the dissolution process are resolved by the Liquidation Committee and it shall be responsible for its decisions before the BOD of KBSV and the laws. The Liquidation Committee shall prepare its operating regulations.

b. Members of the Liquidation Committee must have at least one (01) independent auditor or (01) one independent valuation expert. All costs related to liquidation shall be prioritized to be paid by KBSV before other debts of KBSV.

c. The Liquidation Committee is responsible for reporting to the SSC on the date of establishment and commencement of operations. From the time of establishment and commencement of operation, the Liquidation Committee shall represent KBSV in all work relating to the liquidation of KBSV before the Court and administrative agencies. The operation of the Liquidation Committee must be supervised by the SSC.

d. Proceeds from the liquidation will be paid in the following order:

(i) Liquidation expenses;

(ii) Wages, severance pay, social insurance, health

(ii) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể, nếu có, và hợp đồng lao động đã ký kết;

(iii) Nợ thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà KBSV phải trả cho Nhà nước;

(iv) Các khoản nợ khác của KBSV;

(v) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến (iv) trên đây sẽ được phân chia cho cổ đông. Các cổ phần ưu đãi, nếu có, sẽ ưu tiên thanh toán trước.

(ii) insurance, unemployment insurance according to the provisions of laws and other benefits of employees according to the collective labor agreement, if any, and signed labor contract;

(iii) Tax debt and taxes KBSV must pay to the State;

(iv) Other debts of KBSV;

(v) The remainder after paying all debts from items (i) to (iv) above will be distributed to shareholders. Preference shares, if any, shall be paid in advance.

Chương VIII
THI HÀNH

Chapter VIII
IMPLEMENTATION

Điều 79. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

79.1. Bản Điều lệ này gồm tám (08) Chương, bảy mươi chín (79) Điều.

79.2. Điều lệ này được lập thành một (01) bản và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của KBSV.

79.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của KBSV.

79.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải được Chủ tịch HĐQT hoặc TGĐ hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT ký xác nhận và phải được đóng dấu của KBSV.

79.5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 29. tháng ...9... năm 2025.

79.6. Việc sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ thực hiện và thông qua. Đối với những nội dung của Điều lệ này tương ứng với các nội dung tại Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh

Article 79. Effectiveness and amendments, supplements

79.1. This Charter consists of eight (08) Chapters, seventy-nine (79) Articles.

79.2. This Charter is made in one (01) copy and must be kept at KBSV's headquarters.

79.3. This charter is unique and official of KBSV.

79.4. Copies or excerpts of this Charter must be signed by the Chairman of the Board of Directors or General Director or at least one-half (1/2) of the total number of members of the Board of Directors and must be stamped by KBSV.

79.5. This Charter takes effect from September 29th, 2025.

79.6. Amendments and supplements to this Charter must be made and approved by the General Meeting of Shareholders. For the contents of this Charter corresponding to the contents in the License for Establishment and Operation

nghiệp của KBSV, HĐQT được quyền ban hành các quyết định sửa đổi, bổ sung và sau đó phải báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất để được thông qua theo đúng thẩm quyền.

79.7. Trường hợp có quy định mới của pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của KBSV chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung có liên quan trong Điều lệ này thì những quy định mới đó sẽ đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh tổ chức và hoạt động của KBSV. HĐQT có trách nhiệm tổng hợp để báo cáo, đề xuất ĐHĐCĐ sửa đổi Điều lệ trong trường hợp này, nếu cần thiết.

and/or Certificate of Business Registration of KBSV, the Board of Directors has the right to issue decisions to amend, supplement and then it must be reported at the nearest GMS meeting to be approved according to the appropriate authority.

79.7. In case there are new legal regulations related to the organization and operations of KBSV that have not been mentioned in this Charter or there are new legal regulations different from the relevant content in this Charter, the regulations will That new policy will naturally be applied to adjust the organization and operations of KBSV. The Board of Directors is responsible for synthesizing reports and proposing the General Meeting of Shareholders to amend the Charter in this case, if necessary.

CHỦ TỊCH HĐQT/ *Chairman of the BOD*

S.G.P: 07 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM
P. NGỌC HÀ - T.P HÀ NỘI

ROH JONGKAB